

THÁNH - KINH BÁO

NĂM THỨ 1

MARS, 1931

SỐ 3

TÒA SOẠN BÁO:

Số 1, Phố Nguyễn-Trãi
Hà-nội, Bắc-kỳ

THƠ VÀ TIỀN-BẠC

Xin gửi cho Mục-sư Wm. C. Cadman
Quản-lý Thánh-Kinh Báo
Hà-nội, Bắc-kỳ

LỆ MUA BÁO:

Một năm (10 số) giá 1p.00
Mỗi số 0p.15
Mua báo xin trả tiền trước

KINH-THÁNH VỚI XÃ-HỘI

Lời Chúa là ngọn đèn cho chơn lời, ánh sáng cho đường-lối tôi

(Thi-thiên 119 : 105)

GIA-THỬ bóng tối thình-
lình xông vào thế-gian,
chẳng có mặt trời và
trăng sao chiếu sáng, thì
loài người đi đứng lúng-
túng, đường đâu? hỏi ai?
Cũng vậy, trong cõi thiêng-liêng, giá-
thử không có Kinh-thánh, thì lấy gì
làm ngọn đèn soi chơn, ánh sáng chiếu
dường? Vậy, vấn-đề cần nhứt trong
đời mờ-mịt này không phải chỉ cốt
để sống, nhưng phải biết cách để sống.
Ai nấy cần phải được dắt nhằm đường.
Bằng chẳng, thì không những tự hại
mình, mà lại làm hại cả người khác;
cũng như ô-tô đâm quàng đâm xiên bởi
tay người không biết cầm lái, thì xe ắt
hỏng, và phá-hại cả vật xung-quanh.
Thế thì, một người hoặc một xã-hội có
thể chỉ sống cho mình được sao? Nếu
không có cái chỉ đưa đường dẫn lối,
thì khác nào viên chủ tàu vượt biển mà
không có bản đồ và kim chỉ-nam!

Mấy pho kinh-diễn của thế-gian tuy
muốn chiếu sáng đường đời, nhưng
chỉ lù-mù như ngọn nến thấp trong đêm
trường, khiến cho bóng tối càng thêm
mờ-mịt. Đành rằng những sách đó có
luân-lý tốt, lời-lẽ hay; song chẳng có
quyền giục lòng tội-nhơn tra lạnh ghét

dữ, và không thể bỏ sức cho người yếu-
đuối thẳng nỗi tình-dục. Chỉ có Kinh-
thánh dạy người biết về một Đấng Cứu-
thế chuộc tội thay đời, và có quyền-
phép biến-đổi lòng xấu ra tốt.

Kinh-thánh bởi Chúa soi-dẫn, thật
là một bộ sách khác thường. Nhờ
Kinh-thánh ta biết bước theo đường
phải, giúp ích đồng-loại, xa lánh kẻ
ác, chăm-chỉ chức-nghiệp, công-bình
đãi người, trung-tin với bạn, thương-
xót kẻ thù, chia buồn với người nghèo-
túng và đau-ốm. Khi gặp thử-rèn đau-
đớn, Kinh-thánh dạy ta nhịn-nhục và
nhờ-cậy Chúa, là Cha yêu-thương ta,
vẫn dùng những sự thử-thách đời này
để giục ta bỏ cuộc chơi hư-không, sửa-
soạn bước vào cõi đời vĩnh-viễn. Lúc
bạn yêu-dấu qua đời, Kinh-thánh yên-
ủi lòng ta, chỉ cho biết có nhà rực-rỡ
mà Đấng Christ đang sắm-sẵn ở trên
trời, là nơi ta sẽ hôn-hở gặp nhau.

Ai thích xem sách văn hay, cũng phải
công-nhận Kinh-thánh là một sách rất
có giá-trị. Trong có nhiều tục-ngữ ngắn
mà khéo, đến nỗi những nhà làm sách
trong các nước rất văn-minh thường
dùng làm tài-liệu. Kinh-thánh thật là
nguồn tư-tưởng rất sâu-nhiệm, trí-tuệ
rất sáng-suốt, và chuyện-tích rất vui-thú.

Đang khi các nhà thiên-văn còn tin mờ những chuyện bày-đặt đại-dột vô-lý về trái đất và các ngôi sao, thì Kinh-thánh dạy ta biết rằng: «Chúa trải bắc-cực ra trên vùng trống, treo trái đất trong khoảng không-không.» Thế mà bao năm người ta mới biết bắc-cực ở nơi hoang-vu, bao thế-kỷ mới biết trái đất xây-vàn trong khoảng không!

Về phép vệ-sinh mà xưa Chúa đã lập cho dân Y-sơ-ra-ên giữ, thật hiệp với thuyết vi-trùng truyền-nhiệm của y-giới ngày nay. Về sử-ký cũng vậy, người ta càng khai-quật được những nơi cổ-tích, càng thấy sử-ký chép trong Kinh-thánh là đúng. Về lời tiên-tri, các báo hằng ngày làm chứng đương được ứng-nghiệm một cách rất lạ.

Quốc-gia nào, chính-thể nào làm theo sự dạy-dỗ của bộ sách lạ-lùng ấy, thì được hạnh-phước xiết bao! Tiếc thay, chưa có nước nào trọn-vẹn lấy Kinh-thánh làm mục-thước ngoại-giao và nội-trị! Nếu biết noi theo Kinh-thánh, thì các dân-tộc sẽ đãi nhau như anh em bạn-hữu, thế-gian không có nạn chiến-tranh và nổi úc-hiếp nữa.

Thứ sách ban phước cho loài người đó, trong năm 1929, bán được 36.500.000 quyển. May thay! bây giờ Kinh-thánh cũng đã truyền sang nước ta, người nghèo đến đâu cũng có thể mua được một sách trong bộ Kinh-thánh. Vậy, ta há chẳng nên kính-chuộng Kinh-thánh để làm đèn cho chơn, và ánh sáng cho đường sao?



Oxử kia, có một thói quen: trong phòng khách người ta thường bày một bộ Kinh-thánh rất đẹp rất quý. Nhưng hằng ngày họ chỉ lấy khăn lau cho sạch bụi, chớ ít khi mở ra mà xem, nên chỉ họ coi như là một đồ trang-hoàng trong nhà cho đẹp! Như vậy, khác nào bày tiệc mà không ăn, thì còn biết đâu là vị ngon, chất bổ? Vậy, xin hỏi: Trong nhà độc-giả có Kinh-thánh không? Có Kinh-thánh mà để bụi

không? Nếu có Kinh-thánh, thì thật đáng mừng; nhưng, nếu có mà để bụi, thì thật đáng buồn! Phải biết Kinh-thánh là nền-tảng của gia-dình, nhà nào cũng cần phải có một bộ để hằng ngày nhóm người nhà lại mà đọc, thì được phước Chúa ban cho biết bao! Ví bằng nhà nào không xây trên nền-tảng đó, thì khó lòng đứng vững trong cơn gió dữ mưa to! Hỡi độc-giả, hãy bày một bộ Kinh-thánh trong nhà mình, nhưng đừng để bụi.



XIN độc-giả hãy chú-ý coi biểu in ở trang 77. Đó là một chương-trình mỗi ngày theo thứ-tự mà đọc Kinh-thánh. Nếu không có thứ-tự, thì sẽ thiếu mất nhiều sự dạy-dỗ quý-báu. Có lắm tín-đồ, vì làm như thế, nên đức-tin được thêm lên nhiều. Kìa, mục-sư *Georges Muller* một lòng nhờ-cậy lời hứa của Chúa mà làm được việc lớn. Thật là một tấm gương sáng cho ta soi chung! Ông ấy lập một nhà nuôi mấy vạn trẻ mồ-côi. Trong hai mươi lăm năm, ngoài Chúa, không xin ai giúp, thế mà vẫn đủ tiền để nuôi thêm trẻ, không thiếu ăn một bữa nào. Có người hỏi vì có gì mà đức-tin ông cứ tăng lên như vậy? Ông ấy trả lời: «Bạn ơi! Tôi đã đọc suốt bộ Kinh-thánh một trăm lần, tôi biết Kinh-thánh và Đức Chúa Trời của Kinh-thánh.» Đức-tin không thể sống và mạnh, nếu hằng ngày ta không đọc Kinh-thánh có chừng-mục. Nguyên mỗi độc-giả quyết-định khởi-sự từ nay mỗi ngày theo cái biểu đó mà đọc Kinh-thánh cách bền-đõ. Nếu ai muốn được một thiệp có in biểu đó, thì hãy gửi thơ xin mục-sư *Jeffrey*, Hội Tin-Lành ở Huế, Trung-kỳ.



XIN anh em cầu Chúa bổ sức cho bền-báo, và cổ-động thêm người mua. Người trong bền-hội hễ có bài nào ích-lợi về phần thiêng-liêng, hay là có ý chi giúp vui bền-báo, thì xin gửi cho tòa-soạn. Cám ơn.— *T. K. B.*

ĐẠO-LÝ DIỄN-ĐÀN

SẮT CÓ NỒI KHÔNG?

(II Các Vua 6 : 1-7)

MỤC-SƯ R. A. JAFFRAY

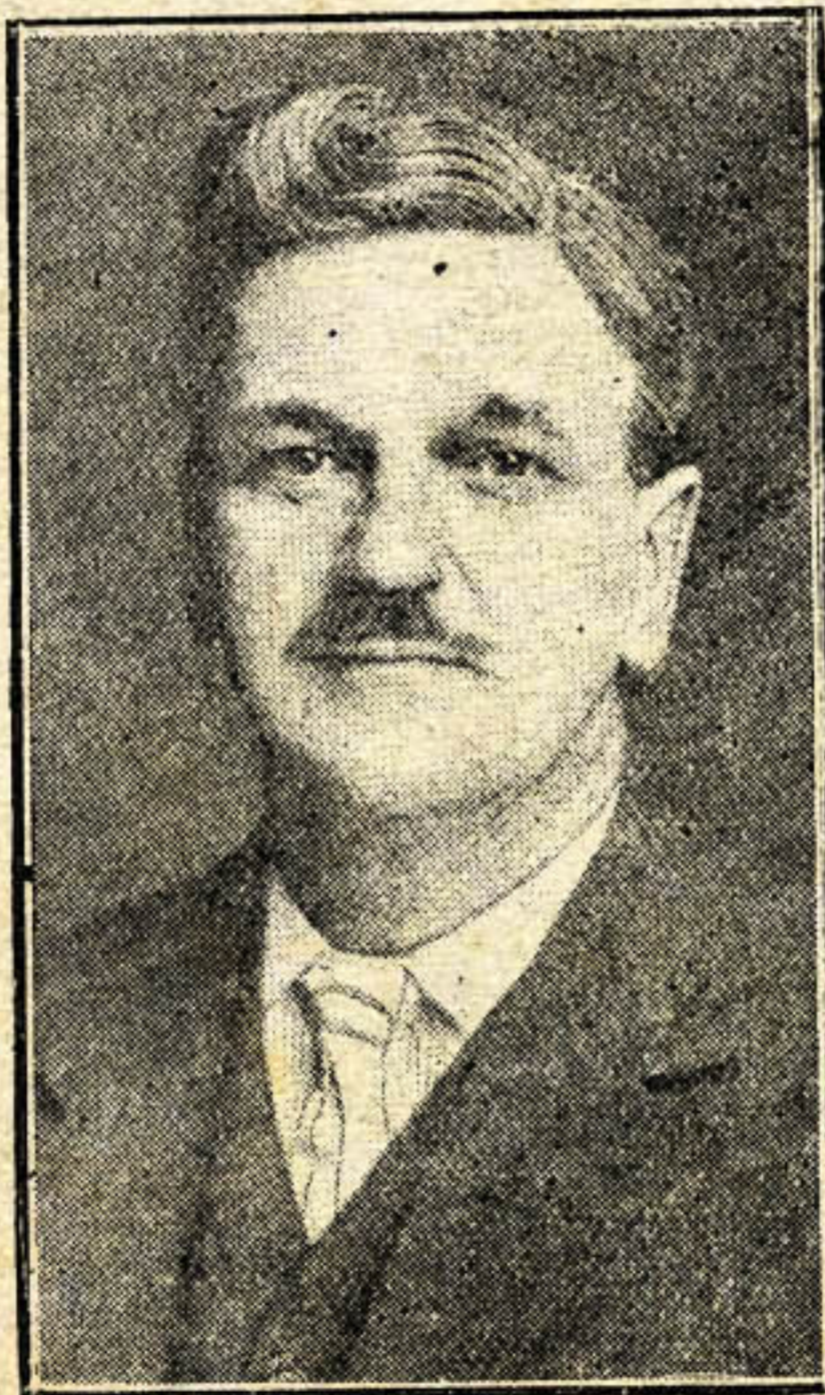
(Danh-dự Hội-trưởng Hội Tin-Lành Đông-Pháp)

TRONG các sách, không có sách nào thú-vị bằng Kinh-thánh. Trong lịch-sử Cựu-ước, không gì rất ích-lợi cho độc-giả bằng việc làm của hai tiên-tri Ê-li và Ê-li-sê, tức từ I Các Vua 17 : đến II Các Vua 13.

Tiên-tri Ê-li-sê làm nhiều phép lạ lắm. Vả, không phép lạ nào không ích cho người ta, tức là từ II Các Vua 2 : -8 : vậy. Cũng giống những sự chép ở trong Tin-lành Tân-ước, vài đoạn đó luận về Đức Chúa Trời ban ơn để yên-ủi lòng người đau-dớn : nào chữa nước liệt, nào tăng-thêm dầu của đèn-bà góa, nào làm cho con người đèn-bà góa sống lại, nào làm cho ăn được canh độc, nào khiến cho một trăm người ăn no, nào chữa sạch bệnh phung của quan tổng-binh, nào làm nổi lười riu của người môn-đồ. Những phép lạ đó đều có thể lấy làm thí-dụ để bày-tỏ đều cốt-yếu của đạo Tin-lành. Vì Đức Thánh-Linh không hề chép một việc vô-lý nào vào trong Kinh-thánh. Còn nhớ khi tôi thơ-ấu, rất thích chơi tranh; vì tranh vẽ dầu không có chữ, nhưng có đạo-lý ở trong đó. Kinh-thánh Cựu-ước dường cũng giống vậy. Vì sự chép trong Kinh-thánh, bất cứ lịch-sử hoặc sự-tích, văn vần, đều giống tranh vẽ; con-nít của

Đức Chúa Trời coi-ngó, được ích nhiều lắm.

Nay thử luận về sự Đức Chúa Trời dùng Ê-li-sê làm cho lười riu nổi lên mặt nước. II Các Vua 6 : 1-7 chép : « Các môn-đồ của những tiên-tri nói với Ê-li-sê rằng : Nơi chúng tôi ở trước mặt thầy là hẹp quá cho chúng tôi. Xin để chúng tôi đi đến Giô-danh, ai nấy sẽ đốn một cây đòn-tay, rồi tại đó cất một nơi ở cho chúng tôi. Ê-li-sê đáp : Hãy đi. Một người tiếp rằng : Tôi xin thầy hãy đi cùng các tôi-tớ thầy. Người đáp : Ta sẽ đi. Vậy, người đi với họ. Đến Giô-danh, họ khởi đốn cây. Nhưng có



R. A. JAFFRAY

một người đương đốn cây, cái lười riu văng xuống nước. Người la lên rằng : Ô chúa tôi ! than ôi ! tôi có mượn nó ! Người của Đức Chúa Trời hỏi rằng : Nó rớt ở đâu ? Người chỉ chỗ cho. Ê-li-sê bèn chặt một khúc cây quăng xuống tại chỗ đó, làm cho lười riu nổi lên, và biểu người ấy rằng : Hãy lấy nó đi. Người ấy bèn giơ tay ra và lấy nó. »

Trước hãy đem cái trường học của tiên-tri đã lập chia ra từng phần mà bàn :

a) Trường đó chật-hẹp, trò nhiều, đất ít, không đủ ở. Song, đó là cái dịp rất tốt. Vậy thì, phạm trường

truyền đạo của Hội-thánh, nếu chỉ nhằm một mục-dịch là cắt nghĩa lời dạy quý-báu trong Kinh-thánh, thì chắc hẳn được Chúa ban phước cho vậy.

b) Môn-đồ đều là những người nghèo-khó. May không có hội lớn nước ngoài giúp sức, nên không thể không lo tự-lập, ai nấy đốn cây, ra sức xây-cất một trường mới rộng-lớn. Trong đó có một trò không riu, nhưng mượn riu của người khác để làm việc. Bởi vậy, thấy rằng các môn-đồ đó đều ít tiền-của, song có lòng khiêm-nhường và tình liên-lạc, đồng lòng hiệp sức, làm được trọn việc.

c) Thầy trò cùng đi làm việc. Sự đó là thầy gương theo ý trò, chớ không phải tự ý thầy định trước. Đến như môn-đồ mời thầy cùng đi, lại không phải là môn-đồ không vâng-phục thầy mà làm theo ý mình. Thật tỏ ra môn-đồ có lòng sốt-sắng.

Song, về sự lười riu văng khỏi cán, hoặc có ý dạy-dỗ ở trong đó. Vì có một môn-đồ rất nghèo, sợ mình không dự phần về việc xây-cất trường mới, bèn mượn riu để làm việc, sốt-sắng hăng-hái, thật hiếm có. Khi văng mất lười riu, bèn nói cùng thầy rằng: «Than ôi! tôi có mượn nó!» Ê-li-sê liền chặt một khúc cây quăng xuống tại chỗ riu rớt. Đức Chúa Trời làm phép lạ, khiến lười riu nổi lên mặt nước. Có thể lấy sự đó làm thí-dụ, tóm lại mà chia làm ba ý dạy-dỗ.

1. Lười riu nổi lên ví với công-lao cứu-chuộc.— Lười riu văng ra khỏi cán, xuống nước bèn chìm, làm hình-bóng về sự người đời xảy chơn, sa vào biển khổ tội-lỗi, quyết không tránh khỏi cái nạn ngập đầu. Nầy, vì chất sắt rất nặng, lười riu ắt chìm; vì tội rất đơ-dáy, loài người ắt chết. Vậy thì, người đời đã sa vào tội-lỗi, khác nào nước chảy xuống trũng, quyết không thể tự cứu lấy được, rút lại chỉ tuyệt-vọng mà thôi. Có nhiều câu Kinh-thánh chứng rõ sự đó. Thi-thiên 51: 5 chép rằng: «Kia, tôi sanh

ra trong sự gian-ác, mẹ tôi đã hoài-thai tôi trong tội-lỗi.» Lại, Ê-sai 1: 5, 6 có chép: «Các người sao còn cứ bần-nghịch, để lại bị đánh nữa? Đầu đều đau-đớn cả, lòng đều mòn-mỏi cả. Từ bàn chơn cho đến đỉnh đầu, chẳng có chỗ nào lành: rặt những vết thương, vít sưng cùng lẫn mới, chưa rịt, chưa quấn, cũng chưa bôi dầu cho êm.» Giê-rê-mi 17: 9 có nói: «Lòng người ta là dối-trá hơn mọi vật, và rất là xấu-xa: ai có thể biết được?» Phao-lô nói trong thư Rô-ma 3: 10 rằng: «Chẳng có một người công-bình nào hết, dầu một người cũng không.»

Dầu kẻ có trí-khôn thế-gian cãi-lấy có thể sửa mình được cứu, lấy lại cái hình-trạng của con Đức Chúa Trời; nhưng nào có biết riu sắt ắt chìm, lòng người ngày kém, có quyền-phép gì để cứu được mình? Vậy, tiên-tri Ê-li-sê dùng cách khôn-khéo gì mà hay khiến cho lười riu đã chìm lại nổi lên trên mặt nước? Ông đó chỉ chặt một khúc cây quăng xuống nước, lười riu bèn nổi ngay. Xét hai chữ «khúc cây» ở Kinh-thánh, có ý-nghĩa lắm. Ê-sai có chép: «Có một chồi sẽ nứt lên từ gốc Y-sai, một nhánh từ rễ nó sẽ ra trái.» Lại chép: «Xảy ra trong ngày đó, rễ Y-sai đứng lên làm cớ cho muôn dân, các nước đều tìm đến Ngài, nơi an-nghỉ của Ngài sẽ được vinh-hiến» (11: 1, 10). Sách này và sách của tiên-tri khác đều lấy chữ «nhánh» để chỉ về Đấng Christ. Đến I Phi-e-rơ 2: 24 thì chép: «Ngài gánh tội-lỗi chúng tôi trong thân-thể Ngài trên cây gỗ...» Chữ «cây gỗ» đó rõ-ràng chỉ về cây thập-tự. Và, coi Xuất Ê-díp-tô Ký 15: 23-25, đương khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô, đến đất Ma-ra, vì nước tại đó đắng, chẳng uống được, nên dân-chúng khát lắm. Họ đều lầm-bầm Môi-se. Môi-se cầu xin Đức Chúa Trời. Ngài bèn chỉ cho một cây gỗ, biểu Môi-se liệng xuống nước, nước liền hóa ngọt. Song, sao Cựu-ước hai lần chép về phép lạ ném cây gỗ xuống nước? Há chẳng vì cây gỗ

làm hình-bóng về công-lao của thập-tự-giá sao? Bởi Đức Chúa Jêsus đổ huyết trên cây thập-tự, chuộc tội muôn dân. Chỉ một cái đó mới có công-lao và sức-lực, dồi dào ra ngọt, khiến những người đã chìm-đắm lại được ngóc lên. Cho nên Phao-lô có nói: «Vì tôi đã đoán-định rằng ở giữa anh em, tôi chẳng biết sự gì khác ngoài Đức Chúa Jêsus-Christ, và Đức Chúa Jêsus-Christ bị đóng đinh trên cây thập-tự» (I Cô 2: 2). Lại nói: «Còn như tôi, tôi hẳn chẳng khoe mình, trừ ra khoe về thập-tự-giá của Đức Chúa Jêsus-Christ chúng ta...» (Gal. 6: 14). Ở trên thập-tự-giá, Đức Chúa Trời đã tỏ hết tình yêu-thương của Ngài, đem Đấng rất thánh-sạch ở trên trời để cùng gặp nhau với kẻ rất dơ-dáy ở trên đất, khiến phàm ai nhờ-cậy Đấng ấy, dầu chết cũng được sống, đắng cũng hóa ngọt, chìm-đắm cũng có thể ngóc lên.

Công-lao đó chính ra từ đạo thật bởi Chúa bị treo trên cây, đổ huyết chuộc tội. Ngoài đó ra, thật không có đường nào khác để được cứu.

2. Lưỡi rìu nổi lên, làm hình-bóng về công-lao, vậy ta có thể lãnh được không?—Khi lưỡi rìu văng xuống nước, người môn-đồ la lên rằng: «Ồ chúa tôi! than ôi! tôi có mượn nó!» Tiên-tri liền hỏi: «Nó rớt ở đâu?» Đó thật là một câu hỏi rất cần-yếu. Vì lưỡi rìu văng khỏi cán, tức như chúng ta mất quyền. Môn-đồ đã mất lưỡi rìu, thì không thể cầm cán mà làm việc được. Như vậy, nếu ta xảy chơn lằm-lạc, chắc thiếu sức-lực. Có khi tin-đồ phạm tội, không chịu xưng ra, sợ mất danh-giá. Song, nếu muốn cứ giữ danh-giá để hầu việc Chúa như thường, cũng như người

đã mất rìu lại muốn được rìu, thì dùng cách gì khôn-khéo mà lấy lại được? Chỉ có điều rất cần là hỏi xem rìu đó rớt ở chỗ nào mà thôi. Vì, nếu tin-đồ đánh mất quyền-phép của Đức Thánh-Linh, ắt là vì có một sự gì đó; vậy cần nên xét hỏi việc đó ra sao, và xảy ra lúc nào. Hoặc nổi giận phạm tội với người, mà chưa cầu người tha-thứ cho chẳng? hoặc lừa-gạt ít nhiều tiền-của và đồ-vật của người khác chẳng? hoặc vay-mượn mà không trả chẳng? hoặc nói dối mà không

nhận chẳng? hoặc có lòng điêu-bạc, ghen-tương, ganh-gỗ, thù-oán chẳng? hoặc làm việc không nên làm và không làm việc nên làm chẳng? Như vậy, hoặc vì một việc đến nỗi mất rìu, mất sức, làm buồn cho Đức Thánh-Linh, lòng mình không vui. Cho nên phải xét kỹ việc đó, biết rõ lưỡi rìu rớt ở đâu, thì nhận lấy mà chữa

lại. Đó là một phép rất tốt.

Tôi nhớ có nghe một người tin-đồ thiếu-niên cầu-nguyện rằng: «Lạy Đức Chúa Jêsus! Ngài biết lòng tôi, tôi không che-giấu gì cả. Xin Chúa soi-xét tôi, nếu thấy tôi có điều gì không hiệp ý Ngài, xin Ngài chỉ-bảo tôi một cách rõ-ràng, tôi sẽ vâng theo, nhờ-cậy sức Chúa, ắt sửa-đổi ngay. Muốn thiệt hết lòng, vắn vắn.»

Người đời đã có lỗi, có sao còn hay giấu-giếm mà không chịu xưng? Vì có trong lòng kiêu-ngạo, và có nhiều người cho rằng xưng tội ở trước mặt Chúa thì dễ, chớ khó xưng tội ở trước mặt người. Lạ thay! quỉ xuống xưng tội ở trước mặt Chúa, sao không hồ-thẹn chút nào? Xưng tội với người đời, sao lại hồ-thẹn đỏ mặt? Há chẳng vì họ cho Chúa hằng sống là hình-tượng không

MỘT NGƯỜI ĐI ĐẦU MỞ ĐƯỜNG

TRƯỚC đây độ ba mươi năm, mục-sư *Jaffray* được Chúa dùng đến thăm bôn-xứ để lo lập Hội Tin-Lành. Sau đó, chừng mười lăm năm, ông làm hội-trưởng mẫu-hội ở bôn-xứ trong năm năm. Bây giờ, ngót sáu mươi tuổi, đầu bạc phơ-phơ, ông vẫn có tinh-thần mạnh-mẽ, đi trước mở đường cho việc giảng Tin-lành. Hiện nay ông làm hội-trưởng Hội Tin-Lành mới lập ở Nam-dương quân - đảo. Nguyên Chúa ban thêm phước lành để ông hầu việc mà giựt giải thưởng của Chúa.

nghe, không thấy, không biết gì sao ?

Vả, người đời xưng tội phần nhiều chỉ xưng đại-khái, nên không thấy khó. Nếu cứ lần-lượt xưng ra từng việc, thì chắc lấy làm xấu - hồ vô - cùng. Nếu người tin Chúa xảy chơn lăm-lạc, khác nào mất rìu, ắt phải dò-tìm đến việc mà mình đã lỡ. Phải nhận tại mình lăm-lạc bởi việc đó, thì mới lại được Chúa ban ơn. Vậy, ta cần nên xét mình, xem tại việc gì đến nỗi mất sức của Đức Thánh-Linh. Như thầy thuốc dùng ống coi mạch bằng điện, thì bất-luận trong các cơ-thể người ta yếu đau, đau đau, đều biết được cả. Cũng vậy, Đức Thánh-Linh soi-xét trong lòng tín-đồ, chỉ-định chỗ nào không hiệp với đạo Chúa, khiến người biết mình hoặc mất quyền-lực, hoặc mất bình-an, cũng như hỏi cái rìu đó rớt ở đâu vậy.

Ta đã mất rìu, vậy làm thế nào? Đều cần hơn hết là phải lấy lại. Cho nên tiên-tri biết lưỡi rìu đó rớt ở đâu, bèn lấy khúc cây làm hình-bóng về thập-tự-giá mà quăng xuống, khiến rìu nổi lên, mà rằng: «Hãy lấy nó đi.» Người ấy bèn giơ tay ra và lấy nó. Như vậy, chúng ta đã phạm tội, nếu quả thật nhờ công-lao của thập-tự-giá để cứu-chữa tội mình, thì chắc được rửa sạch bằng huyết báu của Chúa Jê-sus. Khi mới tin Chúa, dầu được tha-thứ hết thảy tội-lỗi; nhưng sau có khi lại lỡ, thì ắt phải xưng tội lần nữa, mới lại được công-lao của thập-tự-giá để tha đều lăm-lỗi một lúc cho ta. Nhưng muôn-vàn không thể giấu-giếm, không thể không xưng, e linh-hồn không được thỏa-thuê khoan-khoái. Vua Sa-lô-môn có nói: «Người nào giấu tội-lỗi mình sẽ không được may-mắn; nhưng ai xưng nó ra và lìa-bỏ nó sẽ được thương-xót» (Châm-ngôn 28:13). Vua Đa-vít lại nói: «Khi tôi nín-lặng, các xương-cốt tôi tiêu-tàn, và tôi rên-siết trọn ngày; vì ngày và đêm tay Chúa đè nặng trên tôi; nước bỗ thân tôi tiêu-hao như bởi khô-hạn mùa hè. Tôi đã thú tội cùng Chúa không giấu gian-ác

tôi; tôi nói: Tôi sẽ xưng các sự vi-phạm tôi cùng Đức Giê-hô-va; còn Chúa tha tội-ác của tôi» (Thi-thiên 32: 3-5).

3. Trong khi cầu-nguyện, chúng ta là tín-đồ, tưởng nên giao hết những việc lớn nhỏ cho Chúa Jê-sus.—Có khi tín-đồ cho rằng những việc cần-kíp lớn-lao mới nên cầu-xin Đức Chúa Cha. Nào có biết không việc nào là không quan-trọng, không việc nào là không cần-yếu, không việc nào là không nên giao-phó cho Đức Chúa Cha.

Nhiều khi đi lạc, bước lăm,
Nỗi riêng, riêng những ngấm-ngấm
chịu đau!

Vì chung gặp việc không cầu,
Chưa rõ ý Chúa, biết đâu mà tìm?

Nếu ta muốn được bình-yên,
Ở trước mặt Chúa cố xin cố nài.

Vì bằng thành-linh mất một vật gì, như môn-đồ Ê-li-sê văng mất lưỡi rìu, kiếm quanh không thấy, bỏ phí thì-giờ, hoặc trong lòng không yên, bối-rối tức-giận; như thế có hiệp với đạo chăng? Vậy, thật ra, nên làm thế nào? Tôi nhớ ngày xưa, khi mẹ tôi còn ở thế-gian, có dạy tôi rằng: «Một bữa, cha con biểu mẹ đi kiếm một vật để ở trong rương, chẳng dè không thấy chìa-khóa, kiếm tả kiếm hữu, không được! Ai ngờ trong khi tức-bực buồn-rầu, thành-linh dường như có tiếng nhỏ nói ở bên tai rằng: Sao mà quá lo như vậy? sao không hỏi ta? sao không cầu ta?» Mẹ tôi lại tiếp: «Bấy giờ mẹ thấy đầy lòng hồ-thẹn, bèn vào nhà riêng quì xuống, cầu-nguyện Đức Chúa Trời, xin Ngài tha cho cái tội hay quên, và giúp cho kiếm thấy chìa-khóa đó. Cầu-nguyện xong, đứng dậy, đi liền. Khi đó, vừa thoát kiếm, thấy ngay.» Kỳ-diệu thay! lòng Chúa yêu-thương, chẳng những giúp-đỡ việc lớn, mà lại sẵn lòng giúp cả việc nhỏ cho người cầu Ngài nữa.

Môn-đồ Ê-li-sê đánh mất lưỡi rìu mượn của người khác, vừa thoát cầu Chúa, liền lấy lại được. Sự dạy-dỗ đó không phải không giúp ích đôi chút.

NGỌN ĐÈN ĐẠO-ĐỨC

KIÊU-NGẠO

AI có lòng kiêu-ngạo, nấy hay cứng mình. Kiêu-ngạo như soi gương, như thổi kèn, như đăng quảng-cáo để khoe mình. Ai khoe việc mình, thì mất công-đức về việc đó. Sự kiêu-ngạo giống cái bao rộng-không, há dụng thẳng lên được? Nó rộng-không, không biết thương-xót: khác nào cái trống càng rộng càng kêu.

Ai dám nói thật rằng: «Tôi tử-tế hơn anh em?» Một nhà triết-học trứ-danh đã nói: «Trên trán người rất tử-tế, nếu lộ các vết lấm-lỗi của mình, thì chắc muốn đội mũ che lấp đến tận mắt!» Ôi! lòng kẻ ác có bao đều thiện, lòng người thiện có bao đều ác, cho nên không ai dám nghiêm-trách anh em, hoặc coi khinh họ mà khoe mình là thánh-đồ. Người nào khoe mình trời hơn anh em, thì nên ngắm-xem các bậc cao hơn, sẽ biết mình thật quá hèn-mọn; vì mình dẫu xấu-xa đến đâu, cũng còn có người xấu hơn nữa, huống chi mình thánh-khiết, há lại không còn có người thánh-khiết hơn sao?

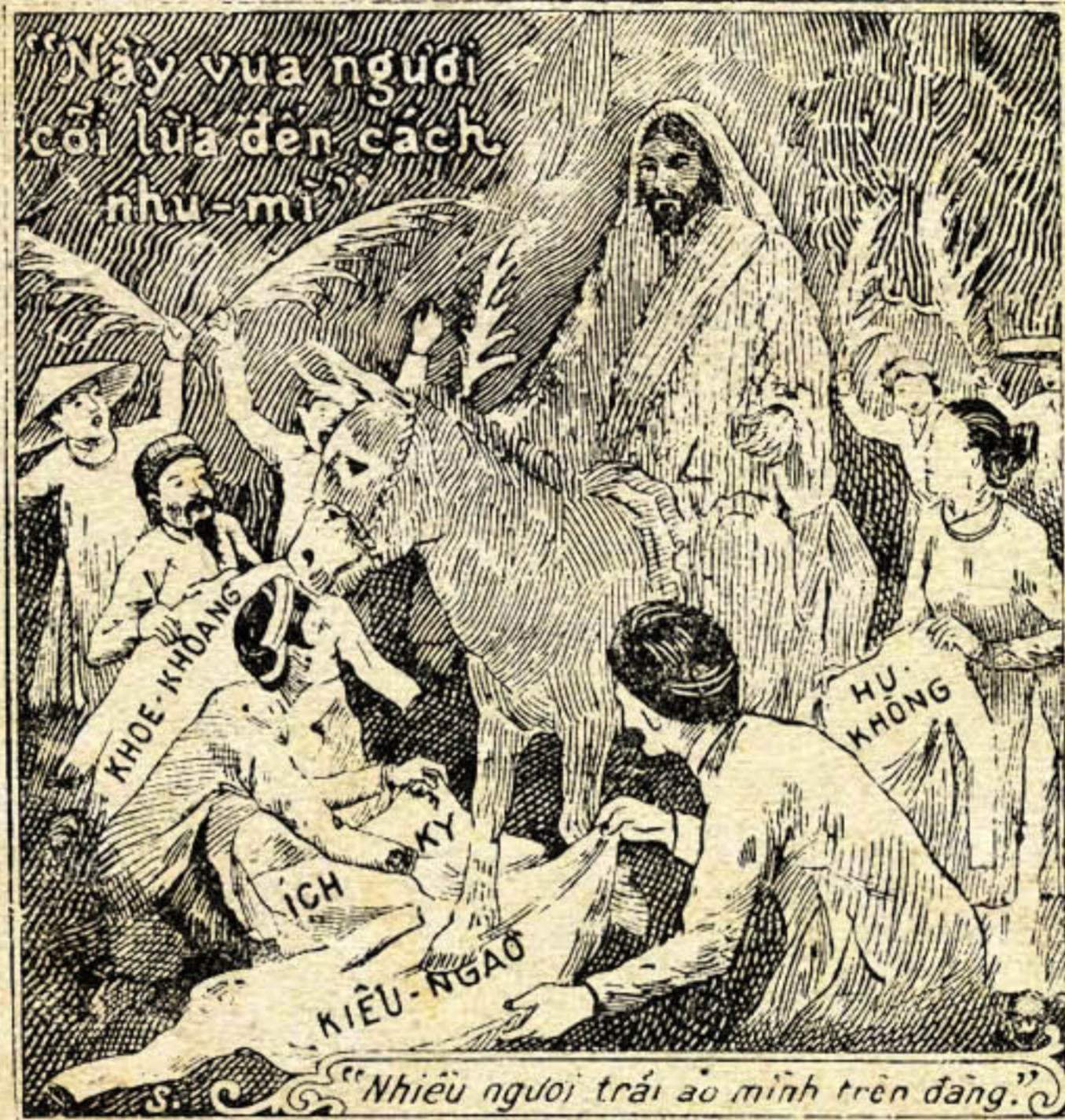
Có người hỏi một nhà triết-học rằng Chúa cao-cả đang làm việc gì? Ông đáp: «Chúa chỉ lo nhắc người khiêm-nhường lên, mà hạ người kiêu-ngạo xuống.» Vậy, biết tội kiêu-ngạo dường như bị Chúa phạt nặng hơn mọi tội

khác. Chỉ cần xét trong Kinh-thánh chép lịch-sử vua Nê-bu-cát-nết-sa, vì kiêu-ngạo khoe mình lấy quyền cao-cả và sự vinh-hiền mà dựng được nước lớn, nên bị Chúa phạt ngay, buộc phải ở với thú rừng, ăn cỏ như bò, cho đến khi biết vàng-phục Đấng Rất Cao. Các vua Pha-ra-ôn và Hê-rốt đều chết cách đáng kinh-khiếp vì tội kiêu-ngạo. Vậy biết Đức Chúa Trời gớm-ghét tội đó là dường nào!

Kiêu-ngạo hay sanh bởi dốt-nát; hai đẳng thường giao-thông với nhau. Nó làm bạn với điên-dại. Nó liên-lạc với nhiều

đức-tánh, nhưng làm cho nẹt-ngồi cả. Nó hay diệt mất sự vui-vẻ. Nó giống như sương-mù vây-bọc những người không ra gì. Không đều nhỏ-mọn nào đáng chê đáng khinh bằng sự kiêu-ngạo. Nhiều khi nó lại kết-liên với sự độc-ác. Một đứa trẻ xứ Sparte ăn cắp một con cáo con, vì lòng kiêu-ngạo, nên thà chịu cáo lột ruột mình còn hơn để người tình-cờ bắt được. Ông kiêu-ngạo sáng ăn ngon, trưa ăn xoàng, tối ăn khổ. Ông ấy chỉ thích đi đầu, không chịu đi cuối.

Kiêu-ngạo ắt phải thất-bại. Xưa vua Sa-lô-môn có nói: «Sự kiêu-ngạo đi trước, sự bại-hoại theo sau» (Châm-ngôn 16 : 18). Sứ-đồ Phao-lô cũng có



Chúa-nhật, 29 Mars, là ngày kỷ-niệm Chúa Jê-sus cỡi lừa vào Giê-ru-sa-lem (coi Ma-thi-ơ 21 :).

ý đó: «Người mới tin đạo không được làm giám-mục, e người tự-kiêu mà sa vào án-phạt của ma-quỉ chằng» (I Ti-mô-thê 3:6). Có khi vì lòng tự-kiêu, thầy giảng, mục-sư, hoặc tín-dồ phá việc đã lãnh nơi Chúa. Người có lòng tự-kiêu, không biết giao-thông thân-mật với Chúa. Ngài đã phán: «Ta ngự trong nơi cao và thánh, với người có lòng ăn-năn đau-đớn và khiêm-nhường, đặng làm tươi-tĩnh thần-linh của những kẻ khiêm-nhường» (Ê-sai 57:15). Chúa Jê-sus dầu là Con Đức Chúa Trời, nhưng Ngài phán: «Con người đã đến, không phải để người ta hầu việc mình, song để mình hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người» (Ma-thi-ơ 20:28).

Kiêu-ngạo hiếm khi đạt tới mục-đích. Nó ham cao-trọng và danh-tiếng, nhưng kết-quả chỉ được khinh-dễ và chê-cười. Người kiêu-ngạo dầu giàu-sang đến đâu, cũng sẽ bị người ghét. Đối với người ta, lễ-phép thì có thể đổi thù ra bạn, nhưng kiêu-ngạo thì đổi bạn ra thù. Một giáo-sư nói: «Nếu kẻ kiêu-ngạo khiến tôi xa cách nó, thì tôi cũng vui, vì nó xa cách tôi.» Kẻ kiêu-ngạo ít khi có bạn chơn-chính: vì lúc giàu không thân-thiết với ai, lúc nghèo không ai thân-thiết.

Tự-trọng khác với kiêu-ngạo: vì nó không dám làm bậy, kẻ bị xấu-hổ; cũng chẳng hạ mình làm hại ai. Đáng trách thay kiêu-ngạo! vì xui người tự-cao và yêu-cầu kẻ khác phải nề mình. Sánh đời người với đời đời vô-cùng, thì đời người chỉ bằng một giây một phút; vậy sao còn dám kiêu-ngạo? Trăm năm ai chẳng qua đời? dầu ngồi ngai vua, hoặc ở nhà lá, cũng dường một giấc chiêm-bao!

Tự-trọng, tự-phụ là tánh tốt; kiêu-ngạo là tánh xấu. Biết tự-trọng, thì chắc tránh được việc dở, bươn theo con đường chánh-đáng, quen đề-nén tình-dục, thành người tự-chủ. Nhưng, phải biết tiết-độ, kẻ thành kiêu-ngạo.

Khi nào kiêu-ngạo đi luôn với nghèo-

túng, thì đời người phải khờ-sở. Vì tuy nghèo, vẫn phải làm bộ giàu-có: phòng khách trang-hoàng lộng-lẫy, nhưng trong bếp thiếu đồ ăn; áo ngoài bằng lụa tuy đẹp, nhưng khó che kín áo rách ở trong. Kiêu-ngạo là mẹ đẻ ra buồn-bực và cay-đắng. Ra ngoài, miệng cười hoa nở; về nhà, nước mắt mưa tuôn. Vậy biết kiêu-ngạo thường chiến-đấu với nghèo-túng, nên người không được yên-nghỉ.

Người kiêu-ngạo hay ích-kỷ, chỉ lo về mình; lại mơ-tưởng ai nấy để ý khen mình, nên muốn biết những lời người đã bình-phẩm. Khi bố-thí, kẻ kiêu-ngạo chỉ cốt chuốc tiếng người khen; trái lại, người khiêm-nhường chỉ muốn Chúa biết, và thích được Chúa khen. Về việc đó Chúa Jê-sus đã phán rằng: «Khi người bố-thí, đừng thối kèn trước mặt mình,... để được người ta tôn-kính.... Song khi người bố-thí, đừng cho tay tả biết tay hữu làm việc gì, hầu cho sự bố-thí được kín-nhiệm; và Cha người, là Đấng thấy trong chỗ kín-nhiệm, sẽ thưởng cho người» (Ma-thi-ơ 6:2-4).

Đáng khinh thay kẻ kiêu-ngạo về sự giàu-có! Kinh-thánh có chép: «Khá coi chừng, chớ nói trong lòng rằng: Ấy nhờ quyền-năng ta và sức-lực của tay ta mà đoạt được những sản-nghiệp này,... vì ấy là Đức Chúa Trời người ban cho người sức-lực đoạt được những sản-nghiệp» (Phục-truyền 8:17).

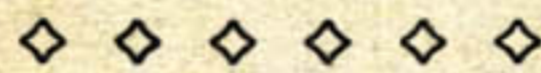
Kiêu-ngạo và khiêm-nhường rất phản-đối nhau. Người kiêu-ngạo hay khoe mình; kẻ khiêm-nhường biết mình vẫn thiếu-thốn lắm. Kiêu-ngạo là kết-quả của đại-dột, khiêm-nhường là con cháu của khôn-ngoan. Kiêu-ngạo khiến lòng cứng-cỏi; khiêm-nhường gây tánh nhu-mì. Kiêu-ngạo không chịu nghe lương-tâm quở-trách; khiêm-nhường lấy lòng kính-mến nghe lời khuyên-lơn. Vả, kiêu-ngạo chối-bỏ lời trí-tuệ, tiếng từng-trái, và sự răn-bảo của tôn-giáo; trái lại, khiêm-nhường lấy lòng phục-tùng biết ơn mà

nhận-lãnh mọi lời dạy-dỗ chơn-thật. Kiêu-ngạo xui người ghen-ghét; khiêm-nhường khiến người yêu-thương. Vì sanh lòng kiêu-ngạo, nên thiên-sứ đòi ra quỷ dữ; vì khiêm-nhường, nên lắm người được giống thiên-sứ.

Xin khuyên độc-giả hãy lấy mực-thước xứng-đáng mà so-đo mình. Ta chẳng nên đo mình bằng sự lăm-thường; nhưng phải bằng sự cao-trọng trọn-vẹn. Tục-ngữ tây có câu: «Thà làm quan lớn trong làng hơn làm bậc nhì trong thành-phố.» Câu đó thật đại-dột lắm! Chỉ xui lòng người tự-kiêu thôi. Dầu làm quan lớn trong làng cũng còn thiếu-thốn. Phải sánh mình với người đứng-đầu cao-trọng trong xã-hội, mới nức lòng làm ích cho đồng-loại. Nếu xét sử-ký thế-gian, đọc lịch-sử những bậc đã từng cứu người giúp đời, thì mới thấy mình thật hèn-mọn lắm, chẳng có gì đáng kiêu-ngạo đâu. Chỉ có một mực-thước đáng so-đo, ấy là Chúa Jê-sus. Đem đời ta và đời những người yếu-đuối lăm-lỗi mà

sánh với đời trọn-vẹn thánh-khiết của Ngài, ắt sẽ khiến ta lấy lòng rất khiêm-nhường sắp mình xuống đất. Ngài đã phán: «Ai muốn làm đầu,...thì phải làm tôi-tớ mọi người» (Mác 9:35). Nếu bị cám-dỗ mà sanh lòng kiêu-ngạo vì đã tấn-tới trên đường đạo-đức, thì chỉ nên xét mình hãy còn thiếu-thốn nhiều điều, chắc sẽ biết khiêm-nhường vậy.

«Dầu Đức Giê-hô-va cao-cả, thì cũng đoái đến những người hèn-hạ; còn kẻ kiêu-ngạo, Ngài nhận-biết từ xa» (Thi-thiên 138:6). Vậy, ta cần phải khiêm-nhường để đẹp lòng Ngài. Ông Gordon đã làm đến chức nguyên-soái, thế mà đang đêm ông ra nơi vắng, quì gối trên cát, cầu với Chúa rằng: «Chúa ôi! xin đừng để tôi tự-kiêu vì được chức này. Xin dạy tôi biết khiêm-nhường để làm trọn bổn-phận.» Cui vậy, đủ biết ông ấy khiêm-nhường là dường nào! «Phải trang-sức bằng khiêm-nhường; vì Đức Chúa Trời chống-cự kẻ kiêu-ngạo, mà ban ơn cho kẻ khiêm-nhường» (I Phi-e-rơ 5:5).—*Bà C. soạn.*



NĂM 1931, MỖI NGÀY ĐỌC MỘT ĐOẠN KINH-THÁNH

NGÀY	GIÊNG	HAI	BA	TƯ	NĂM	SÁU	BẢY	TÁM	CHÍN	MƯỜI	MỘT	CHẬP
1	Rô 10	II Cô 9	I Tê 4	Hê 13	Khải 9	Sáng 18	Sáng 48	Xuất 29	Lê 20	Dàn 23	Phục 18	Giô 14
2	11	10	5	Gia 1	10	19	49	30	21	24	19	15
3	12	11	II Tê 1	2	11	20	50	31	22	25	20	16
4	13	12	2	3	12	21	Xuất 1	32	23	26	21	17
5	14	13	3	4	13	22	2	33	24	27	22	18
6	15	Ga 1	I Ti 1	5	14	23	3	34	25	28	23	19
7	16	2	2	I Phiê 1	15	24	4	35	26	29	24	20
8	I Cô 1	3	8	2	16	25	5	36	27	30	25	21
9	2	4	4	3	17	26	6	37	Dàn 1	31	26	22
10	3	5	5	4	18	27	7	38	2	32	27	23
11	4	6	6	5	19	28	8	39	3	33	28	24
12	5	Èph. 1	II Ti 1	II Phiê 1	20	29	9	40	4	34	29	Quan 1
13	6	2	2	2	21	30	10	Lê 1	5	35	30	2
14	7	3	3	3	22	31	11	2	6	36	31	3
15	8	4	4	I Gi. 1	Sáng 1	32	12	3	7	Phục 1	32	4
16	9	5	Tit 1	2	2	33	13	4	8	2	33	5
17	10	6	2	3	3	34	14	5	9	3	34	6
18	11	Phil. 1	3	4	4	35	15	6	10	4	Giô 1	7
19	12	2	Philê 1	5	5	36	16	7	11	5	2	8
20	13	3	Hê 1	II Gi. 1	6	37	17	8	12	6	3	9
21	14	4	2	III Gi. 1	7	38	18	9	13	7	4	10
22	15	Cô 1	3	Giu 1	8	39	19	10	14	8	5	11
23	16	2	4	Khải 1	9	40	20	11	15	9	6	12
24	H Cô 1	3	5	2	10	41	21	12	16	10	7	13
25	2	4	6	3	11	42	22	13	17	11	8	14
26	3	I Tê 1	7	4	12	43	23	14	18	12	9	15
27	4	2	8	5	13	44	24	15	19	13	10	16
28	5	3	9	6	14	45	25	16	20	14	11	17
29	6		10	7	15	46	26	17	21	15	12	18
30	7		11	8	16	47	27	18	22	16	13	19
31	8		12		17		28	19		17		20

Đây là biểu hằng ngày theo thứ-tự đọc Kinh-thánh. Nếu cứ bền-đỗ mà đọc, thì độ ba năm sẽ hết cả bộ Kinh-thánh.

ĐỒ ẪI ? BIẾT

— HỎI VỀ KINH-THÁNH —

- 1.— Có thành danh-tiếng nào cách phương nam Giê-ru-sa-lem độ tám cây số?
- 2.— Ai nói «Vua là người đó?»
- 3.— Sách nào nói về sự «xây-cất các vách-thành Giê-ru-sa-lem lại?»
- 4.— Câu Phao-lô nói: «...là Đấng ta thuộc về và hầu việc...» ở đâu?
- 5.— Xin chép hết câu: «Hỡi những kẻ nào khát.»
- 6.— Đức Chúa Jêsus có anh em nào chép thơ trong Tân-ước?
- 7.— Câu: «Ấy vậy, hễ đều chi mà các người muốn người ta làm cho mình, thì cũng hãy làm đều đó cho họ,» ở đâu?
- 8.— Trong châu Âu có thành nào nghe giảng đạo Chúa trước nhất?
- 9.— Xin kể tên ba người danh-tiếng trong Tân-ước đồng gọi là Giảng?
- 10.— Sa-tan hỏi về người giàu nào khi thưa với Chúa: «...há kính-sợ Đức Chúa Trời luống-công sao?»
- 11.— Quan xét nào dâng con-cái mình làm của-lễ thiêu theo như lời khẩn-nguyện với Chúa?
- 12.— Chuyện «dây giữa cao» có quan-thiếp với tiên-tri nào?
- 13.— Chỗ nào nói thí-dụ về «hột châu quý giá?»
- 14.— Vợ nào được Gia-cốp quá yêu?
- 15.— Trong các chi-phái Y-sơ-ra-ên, Chúa chọn người Lê-vi làm chức-phận gì?
- 16.— Sách Sứ-đồ có chép gì về ông Búp-li-u?
- 17.— Xin viết hết câu này trong sách Châm-ngôn: «Con trai khôn-ngoan làm»
- 18.— Ai được lột nách bằng dẻ và áo cũ để trực lên khỏi hố?
- 19.— Ở đâu có chép về cây sanh lá «dùng để chữa lành cho các dân?»
- 20.— Ai có chép về «trứng bóng chết»?
- 21.— Sách nào chép câu chúc phước: «Nguyện Đấng có thể gìn-giữ anh em khỏi vấp-phạm?»
- 22.— Trong Kinh-thánh có đoạn nào tả rất rõ-ràng về quyền của lưỡi?
- 23.— Trong sách Gióp khúc nào tả con sấm-sét rất đáng run-sợ?
- 24.— Xin viết lời Chúa Jêsus phán trong sách Ma-thi-ơ về «mọi lời hư-không.»
- 25.— «Bụi gai cháy» ở xứ nào, nơi nào, núi nào?
- 26.— Ai là em của Phi-e-rơ?
- 27.— Vì Phao-lô giảng, ai là người châu Âu chịu phép báp-têm trước nhất?
- 28.— Thi-thiên nào là bài cầu-nguyện của Môi-se?
- 29.— Ai là bà-con và cha nuôi của bà Ê-xơ-tê?
- 30.— Vì có gì hai con gấu cầu-xé bốn mươi hai đứa trẻ con?

NHÌN BIẾT ĐỨC CHÚA TRỜI

MỤC-SƯ QUÁCH-PHỤC-HÒA, PNOMPENH

NHÌN biết Đức Chúa Trời là một sự cần-kíp và hạnh-phước cho loài người. Muốn nhìn biết Ngài, thì phải xem-xét công-cuộc tạo-hóa, nghiên-cứu Kinh-thánh, và nhờ Đức Thánh-Linh soi sáng.

Trong khi nghiên-cứu Kinh-thánh để nhìn biết Đức Chúa Trời, chúng ta thường gặp một điều khó hiểu, là «Đức Chúa Trời có hình-tượng thế nào.» Muốn giải-quyết vấn-đề này, chúng ta không được cắt đoạn lấy nghĩa, rút một câu nào trong Kinh-thánh ra mà lấy đó làm bằng-cứ; song phải xem-xét cái nguyên-ý của cả bộ Kinh-thánh chịu-định thế nào mới đặng. Người tưởng Đức Chúa Trời là «một quyền-phép,» đã đành là sai; mà ai tưởng Ngài có hình-tượng như loài người, thì cũng chẳng khỏi lầm. Vì cả bộ Kinh-thánh tỏ-bày Đức Chúa Trời là một vị Thần hằng sống, thuần-linh vô-chất, không hình không tượng, không thể thấy được, không thể sờ được, cũng không thể dùng lời nói mà kể ra cho tường-tận được. Từ xưa đến nay, những nhà khảo-học Kinh-thánh có tin-ngưỡng thuần-chánh, đều nhìn-nhận như vậy cả. Có lời chắc-chắn hơn hết của Đức Chúa Jê-sus nói rằng: «Đức Chúa Trời là Thần, nên ai thờ-lạy Ngài thì phải lấy tâm-thần và lễ thật mà thờ-lạy» (Gi. 4: 24, so-sánh với Lu 24: 39).

Đức Chúa Trời vẫn biết loài người ưa thờ hình-tượng lắm, nếu Ngài có hình, sao không dạy người ta làm hình Ngài để thờ, mà Ngài lại cấm? (Xin xem Xuất 20: 4-6; và Phục 4: 15-19). Đã vậy, vì sao Kinh-thánh cũng có chỗ nói đến hình-tượng của Đức Chúa Trời, và có chép về mấy người đời xưa như ông Áp-ra-ham, ông Mòi-se, v. v. đã được thấy Ngài? Xin thưa: Hình-tượng của Đức Chúa Trời mà Kinh-thánh nói đó, chắc chỉ về sự công-bình, sự thánh-khiết của lễ thật, và sự

hiểu-biết đầy-trọn của Đức Chúa Trời, như có chép trong thơ Êph. 4: 24, và thơ Cô 3: 10 đó thời, chớ không phải là hình-tượng bằng thế-chất gì cả. Còn về vấn-đề mấy ông đời xưa được thấy Đức Chúa Trời, thì chúng ta đừng tưởng rằng mấy ông đó đã thấy Đức Chúa Trời như vốn có thật đâu, song chỉ là thấy cái hình hiển-hiện mà Đức Chúa Trời đã tùy ý Ngài hiện ra cho mấy ông đó được thấy. Vì Kinh-thánh lại có chép rằng: «Chẳng hề ai thấy Đức Chúa Trời, chỉ Con một ở trong lòng Cha, là Đấng đã giải-bày Cha cho chúng ta biết» (Gi. 1: 18). Xin xem Rô 1: 20; Cô 1: 15; I Ti 1: 17 và 6: 16; Hê 11: 27; Xuất 33: 20.

Kinh-thánh đâu có chép về Ngài có vui, giận, buồn, ghét, ăn-năn, và có mắt, tai, tay, chơn, cánh đi nữa, thì cũng không phải chỉ về Ngài có hình-chất gì đâu, ấy chỉ là mượn tiếng thông-thường của loài người để tỏ-bày ý-muốn và cách làm-lụng của Đức Chúa Trời cho chúng ta dễ hiểu mà thôi.

Nói tóm lại, Đức Chúa Trời đã là thần-linh, thì loài người phải được làm «người thiêng-liêng» mới có thể nhìn biết Ngài. Vì «người thiên-nhiên» không nhận được những sự thuộc về Thánh-Linh của Đức Chúa Trời; bởi chưng người đó coi sự ấy như là đồ-dại, và không có thể hiểu được, vì phải xem-xét cách thiêng-liêng. (I Cô 2: 14-15). Người thiêng-liêng là người ở dưới quyền của Đức Thánh-Linh và bước theo Ngài. Còn muốn được làm người thiêng-liêng, thì: «Hãy hối-cải, ai nấy phải nhơn danh Đức Chúa Jê-sus chịu phép báp-têm, để được tha tội mình, rồi sẽ được lãnh sự ban cho Đức Thánh-Linh» (Sứ 2: 38). Người nào đã được lãnh sự ban cho Đức Thánh-Linh và có đầy-dẫy Ngài ở trong mình, thì tự-nhiên dễ nhìn biết Đức Chúa Trời.

NHỮNG MÓN QUÀ NGON

ÔNG JEAN CHRYSOSTOME SỢ GÌ?

VÀO thế-kỷ thứ tư, tại thành *Antioche*, có một nhà chỉ-sĩ *Jean Chrysostome*. Ông này có tài hùng-biện, ai cũng khen phục. Không những ông được thiên-hạ hoan-nghênh khen-chuộng cái tài cao-đàm hùng-biện của ông, mà lại còn cảm-phục cái tâm-chí vững-vàng và tánh-cách cao-thượng của ông là khác. Cái tánh cương-trực của ông đã gây ác-cảm với hoàng-đế ở *Constantinople*: vì ông thường hay khuyên-can và cũng chỉ-trích những tội-lỗi của vua này. Hoàng-đế này, hiệu là *Arcadius*, cảm-tức ông lắm, thường kiếm phương-thế để báo-thù ông cho bõ ghét. Các triều-thần hiệp ý với vua, cũng muốn trừ ông, nên có một người hiến kế rằng:

— «Xin hãy đem đầy hấn ra một nơi sa-mạc *Thébaïde* rất u-tích nào đó, thì thôi, còn ai nghe tiếng hấn nói nữa.»

— «Xin tịch-biên hết sản-nghiệp của nó, để nó phải chịu nghèo-đói.» (Lời tâu của một triều-thần khác).

— «Xin hãy giam y vào ngục tối, cho y chết rũ tù.» (Đó là lời tâu của một viên quan khác).

— «Bệ-hạ há chẳng có quyền sanh sát nó sao? Xin phán một lời thì đầu nó sẽ rớt xuống đất.» (Lời tâu này của một viên quan rất ghét nhà hùng-biện).

Sau rốt đến một viên quan cận-thần, ra dáng mưu-sĩ, đến gần bèn vua mà tâu rằng:

«Nầy giờ kẻ hạ-thần nghe các quan hiến kế thấy đều sai-lầm hết, vì các quan không biết rõ người này. Đem đầy chẳng? Nhưng đầy làm sao cho người đó cách xa Đức Chúa Trời của hấn được? Vì Jêsus là Chúa của người

đó thường ở mọi nơi với người.—Tịch-biên hết sản-nghiệp chẳng? Chính nó đã lấy hết của-cải mình mà phân-phát cho kẻ nghèo từ đã lâu rồi.—Giam nó vào ngục tối chẳng? Đó tức là cho nó có nhiều thì-giờ ở riêng mà đến gần cùng Đức Chúa Trời. Mà, nếu lên án xử-tử nó, thì tức là mở cửa trời cho nó vào vậy.

Kẻ hạ-thần xin hiến một kế rất thần-diệu là: nếu muốn hình-phạt người này một cách rất nặng đối với nó, không gì bằng ép nó phạm tội-lỗi. Đó là sự hình-phạt đau-dớn nhứt cho nó, vì nó không sợ bị đầy, không sợ nghèo-cực, không sợ đau-khổ, mà cũng không sợ chết; song, chỉ sợ nhứt là sự phạm tội-lỗi mà thôi.»

Đó là sự sợ của ông *Jean Chrysostome*.—*Ái-mộ trích dịch.*



HỜI CHÚA! CÒN BAO LÂU?

ĐỨC Giê-hô-va ôi! Ngài sẽ hằng quên tôi cho đến chừng nào? (Thi 13: 1). Ấy là một câu hỏi thường vẫn vương-vít trong trí nhiều tín-đồ đang gánh nặng. Coi kia, một người mắc bệnh ba mươi tám năm, nằm bèn ao Bê-tết-đa (Gi. 5: 5); một người đờn-bà mắc quỷ ám phải đau liệt mười tám năm trước khi được cứu khỏi bệnh (Lu 13: 11); một người mù từ thuở sanh ra, nhờ Chúa mới được sáng mắt (Gi. 9: 1); và La-xa-rô cả đời mắc bệnh và nghèo-túng, đến chết mới khỏi (Lu 16-20). Vậy, đang khi gánh nặng, chúng ta phải nhớ: «Mọi sự HIỆP LẠI làm ích cho kẻ yêu-mến Đức Chúa Trời» (Rô 8: 28), và «những sự đau-dớn bây giờ chẳng đáng so-sánh với sự vinh-hiến hầu đến» (Rô 8: 18).

CÔ BÉ ĐƯỢC THA

MỘT ngày kia, trong khi giảng đạo, tôi thấy một cô em độ mười tuổi, có ý chăm-chỉ nghe giảng lắm. Khi giảng xong, tôi lại gần em, muốn xem em đã hòa-thuận với Chúa và biết tội mình đã được tha chưa, nên hỏi rằng:

— Em có biết Chúa Jêsus không?

Em đó nhìn tôi, rồi mỉm cười mà rằng: — Có, tôi biết Chúa chịu chết vì tôi.

Tôi nói: Phải, biết như vậy thì tốt lắm, nhưng chưa đủ. Em lấy gì mà tin chắc Con Đức Chúa Trời xuống đời chịu chết trên thập-tự-giá vì một người con gái nhỏ như em?

Em trả lời cách trịnh-trọng rằng: Đức Chúa Trời phán Chúa Jêsus chịu chết vì kẻ tội, mà tôi cũng là một người có nhiều tội.

— Em nói phải lắm, kìa Kinh-thánh có chép: «Đức Chúa Trời tỏ lòng yêu-thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là người có tội, thì Đấng Christ vì chúng ta chịu chết» (Rô-ma 5: 8); lại có câu rằng: «Đức Chúa Jêsus-Christ đã đến trong thế-gian để cứu vớt kẻ có tội, ấy là lời chắc-chắn, đáng đem lòng tin trọn- vẹn mà nhận lấy; trong những kẻ có tội đó ta là đầu» (I Ti-mô-thê 1: 15). Chúa đã tỏ cho em biết mình phạm nhiều tội, và bây giờ em thấy mình phải tin lời phán của Đức Chúa Trời. Em có tin rằng mình đã được tha *hết thảy* tội-lỗi không? Trong một lúc, em nín-lặng, rồi rơm-rớm nước mắt, mà rằng: Tôi sợ rằng không.

— Sao lại không? Em đã biết Đức Chúa Jêsus chịu chết cho em rồi, vậy sao không biết Đức Chúa Trời tha-thứ tội-lỗi cho em?

Em ngờ-ngần nhìn tôi, dường muốn hiểu tôi nói gì. Em cũng như nhiều người khác thật tin Đức Chúa Jêsus-Christ, nhưng chưa biết công-việc rộng-rãi của Chúa làm cho mình là thể nào. Em đã đến cùng Đức Chúa Jêsus khác nào người dờn-bà mà trong sách Lu-

ca, đoạn bảy, có nói. Lòng em đã nhận được sự thương-xót của Chúa, nhưng lại cần phải nghe lời Chúa Jêsus phán: «Tội-lỗi người đã được tha rồi. Đức-tin của người đã cứu người; hãy đi cho bình-an» (Lu-ca 7: 48).

Tôi lại hỏi: Tại sao Chúa Jêsus chịu chết vì em?

Em trả lời ngay rằng: Để cứu tôi.

— Vậy sao Chúa phải chết để cứu em?

Em suy-nghĩ một lát, rồi trả lời cách nghiêm-trang rằng: Để mang tội-lỗi tôi đóng đinh vào thập-tự-giá.

— Khi Chúa Jêsus bị đóng đinh trên cây thập-tự, thì tội-lỗi em bây giờ ở đâu?

— Trên Chúa.

— Chắc hẳn như vậy, vì «Đức Giê-hô-va đã làm cho tội-lỗi của hết thảy chúng ta đều *chất trên Ngài*» (Ê-sai 53: 6). Vậy, tội-lỗi em bây giờ ở đâu?

— Tội-lỗi tôi hãy còn ở trên Chúa Jêsus. Mới đến đây, thì em ngừng lại, không nói nữa.

Tôi hỏi: Đấng Christ bây giờ ở đâu? Em đáp luôn rằng: Chúa đã sống lại, và lên trên trời.

— Phải, vậy thì tội-lỗi em bây giờ ở đâu?

— Tội-lỗi tôi ở trong mồ-mả.

Em đó vui-vẻ mà trả lời như vậy. Thế là em đã hiểu rồi. Bây giờ em thấy rõ rằng Đấng Christ đã bị nộp vì tội-lỗi của em, và cũng đã sống lại vì sự xưng công-bình của em; em đã được xưng công-bình bởi đức-tin, thì được hòa-thuận với Đức Chúa Trời (Rô-ma 4: 25; 5: 1).

Tôi nói tiếp rằng: Đức Chúa Trời phán: «Sau khi Con làm xong sự sạch tội, bèn ngồi bên hữu Đấng tôn-nghiêm ở trong nơi rất cao» (Hê-bơ-rơ 1: 3).

Tôi muốn nói một vài lời nữa, bỗng có người đến gọi em đi. Về đến nhà, em chạy lại bá cồ mẹ, mà rằng: Mẹ ơi, con cũng đến cùng Chúa Jêsus.

Bà mẹ là người tín-giáo, đầu đang đau-ốm, nhưng nghe con nói, cũng vui-vẻ mà hỏi: Nói thế là nghĩa làm sao?

Con đáp: Tội-lỗi con đã được xóa hết. Chúa Jêsus đã mang cả lên thập-tự-giá, và bây giờ Chúa đang ngồi bên hữu Đức Chúa Trời. Này, mẹ coi, tội-lỗi con không thể ở đây với Ngài được. Ngài đã để cả ở trong mồ-mả.

Mẹ con vui-mừng, ôm nhau mà đồng ngợi-khen Chúa. Từ đó đến nay, đã lâu năm rồi, Đấng Christ là Đấng đã

sống lại mà ngồi bên hữu Đức Chúa Trời, hằng làm cho lòng em đó được bình-yên, chẳng ai cắt đi được. Coi vậy, thấy rằng em đó bởi cách đơn-sơ mà nhận được bao hạnh-phước! Ai nấy há chẳng nên bắt-chước lắm sao?

Hỡi độc-giả, tội-lỗi anh em đã được tha-thứ như em đó chưa?

CHÚA TREO TRÁI ĐẤT TRONG KHOẢNG KHÔNG-KHÔNG

(Gióp 26 : 7)

CẦU Chúa lo-liệu, ta hay tìm xem Chúa có gì để trả lời không. Khi cầu về tài-chánh, hay xét quanh mình xem Chúa có thể cảm ai giúp-đỡ. Nếu không thấy, thì khó tin Chúa giúp tiền được. Khi tìm việc làm để kiếm ăn, hay đi hỏi các sở công tư, nếu thấy không đâu cần người, thì khó tin Chúa ban việc được. Khi đau-ốm, thầy thuốc không biết chữa-trị ra sao, thì khó tin Chúa chữa lành được.

Thật vậy, trong khi cầu-nguyện, nếu thấy có gì giúp Chúa trả lời, thì ta mới thỏa lòng. Cần tiền, mà không biết người nào, hội nào có thể giúp mình, thì khác nào bóng tối vây-phủ. Cần việc, mà thấy nhiều người cũng cần như mình, thì lối trước dường như mờ-mịt. Đeo bệnh nằm giường, mà không bớt, vẫn đau hơn, tiền thuốc tốn hơn, công-việc đọng hơn, lòng kém kiên-nhẫn hơn, thì thấy cảnh mình dường như tuyệt-vọng! Đó vì tưởng không người nào có thể giúp mình. Vậy, tương-lai chỉ đầy những nợ, hết cả vốn rồi!

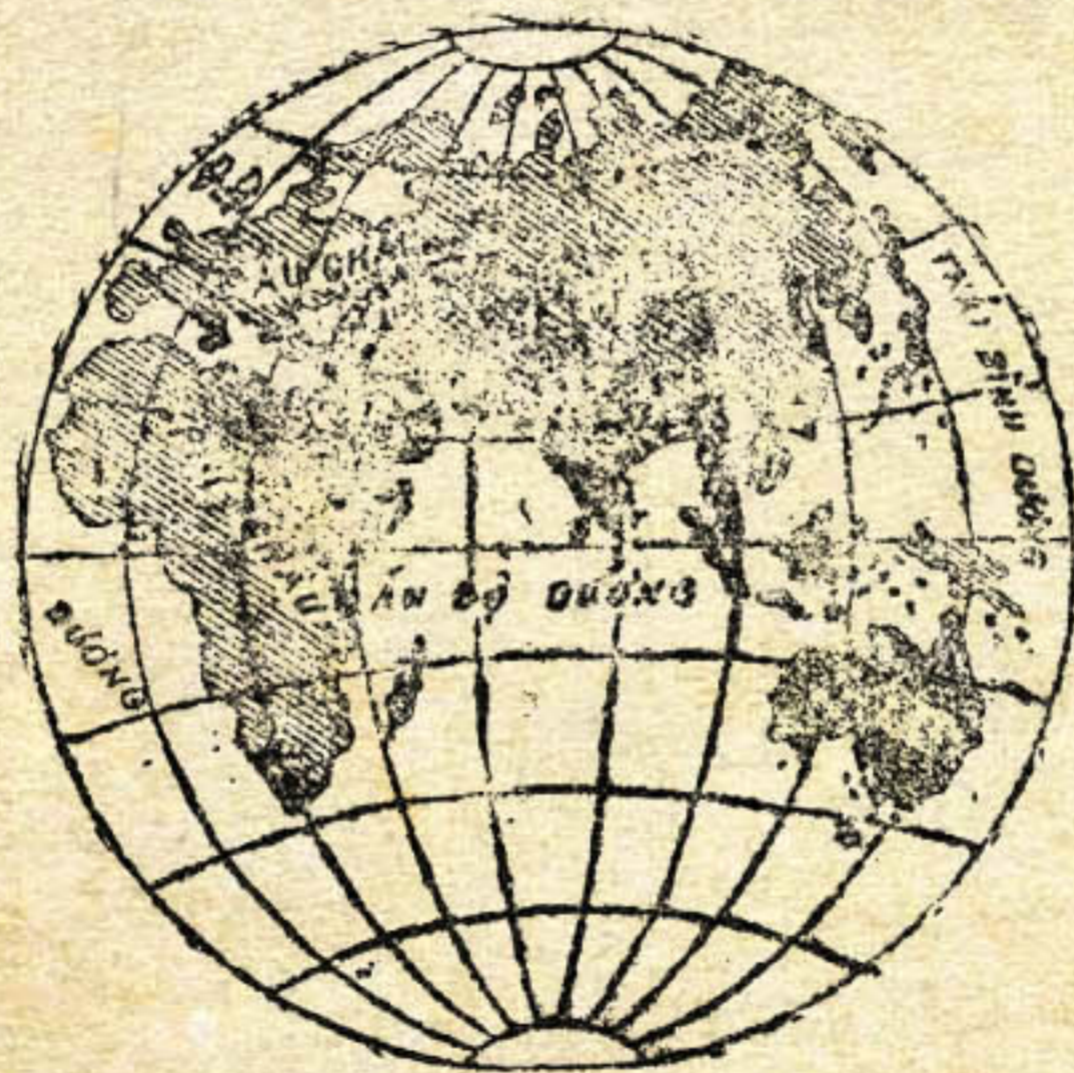
Còn tình-cảnh thật của con-cái Chúa thì sao? Ngoài nợ, không còn gì à? Nhiều lắm chớ! Hết vốn rồi à? Còn

lắm chớ! Hàng ngàn, hàng triệu, hàng ngàn triệu, hàng triệu triệu. Vốn đâu? Ở trên, ở dưới, ở xung-quanh mình. Trái đất và khí trời đầy-dẫy của-cải không tính xiết. Anh em há không thấy sao? Nhưng không cần thấy, chỉ cần chú mắt thấy Chúa mà thôi.

Hãy thử đề ý. Không cần thấy gì có thể giúp mình, cũng không cần Chúa có gì giúp-đỡ. Ấy vì Chúa không cần phải có. «Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất.» Chúa lấy gì để dựng

trời? Không, không có gì cả. Khi làm nên trái đất thì treo ở đâu? Không có gì hết. Dầu không lấy gì dựng nên, nhưng trái đất thật tốt lắm, phải không? Hãy nhớ Chúa không lấy gì để làm trái đất, và «treo trái đất trong khoảng không-không.»

Trái đất treo chắc chớ? Chắc lắm! Vậy, đừng nên sợ, đừng nên ngờ. Một Chúa lấy sự không có mà dựng nên trời đất muôn vật, chắc có thể cung-cấp đủ mọi sự cần dùng cho người, hoặc bởi sự có, hoặc bởi sự không có. Đáng lạ thay! đáng khen thay! Hãy nhờ Chúa, Ngài sẽ lo-liệu cho ta, dầu phải lấy sự không có để cung-cấp mọi sự mình cần có.—*Thuật theo P.Y.S.*





NAM-KỶ

Cần-thơ.— Nhờ Chúa, Hội-thánh Cần-thơ cũng được sai trái. Năm ngoái, được hơn ba mươi linh-hồn trở lại cùng Chúa.

Cai-ngan.— Hội Cai-ngan đã lo tự-lập. Mới đây, có một em, lên hai tuổi, đau nặng, gần chết! Nhưng, sau khi người mẹ ăn-năn và mọi người cầu-nguyện, được Chúa chữa lành, em lại tươi-lĩnh.

Mỹ-tho.— Từ ngày Hội-đồng Địa-hạt Nam-kỳ tan nhóm đến nay, có hai trăm người theo đạo lạ, tục gọi là đạo «Dừa-chuối,» đã dẹp bỏ hình-tượng, không nói tiếng lạ, mà tin Chúa tại Mỹ-tho. Sau này, chắc còn nhiều người khác trong đạo ấy cũng sẽ bỏ tối theo sáng. Xin nhớ cầu-nguyện cho họ được đổi mới trong Chúa.

Trà-vinh.— Nhơn dịp đi thăm các Hội-thánh tại Nam-kỳ, ông Bùi-tự-Do có đến giảng phục-hưng tại chi-hội Trà-vinh. Có một chấp-sự Nguyễn-văn-Cổ, trước khi chưa tin Chúa, có trồng một trăm nóc trầu và tám cây cau; hằng năm, được huê-lợi chừng 100\$00. Vậy mà, vì muốn làm sáng danh Chúa trong nhà mình, chấp-sự đó bèn quyết-định đốn hết và phá bỏ. Thiết đáng ngợi-khen Chúa!

Cao-lãnh.— Hội Cao-lãnh được Chúa ban phước nhiều! Nền nhà giảng nay đã lát gạch. Chấp-sự Nguyễn-văn-Cung mới dâng một trăm cái ghế sắt. Hai tin-đồ tên là Bộ-màu và Chắc tuy bị vu-cáo, nhưng nhờ Chúa, đều được vô-can.

Nhị-mỹ.— Hội Nhị-mỹ đương lo cất nhà giảng bằng gạch có lầu chuông, tốn chừng 1.800\$. Xin nhớ cầu-nguyện cho.

Tây-ninh.— Cuối năm ngoái, vợ thầy truyền-đạo Dương-chấn-Thế đã qua đời. Bồn-báo xin có lời chia buồn.

Vinh-long.— Hội Vinh-long mời ông mục-sư Trầm ở lại. Hai Hội-thánh Long-xuyên, Bình-long đã lo tự-trị tự-lập rồi. Hội Trà-ôn cũng sẽ tự-trị tự-lập riêng.

Cai-tàu-hạ.— Hội Cai-tàu-hạ xin thầy

giảng riêng. Gần nay, được Chúa làm phép lạ chữa lành nhiều người: Như bà hương-bộ Bông và cô Nguyễn-thị-Gặp đều vì sự cầu-nguyện mà khỏi bệnh trái giống. Vì vậy, ba chị em và mấy người cháu của bà Bông đều tin theo Chúa. Cảm ơn Chúa.

Sa-đéc.— Hội-thánh Sa-đéc đã mời ông mục-sư Đăng ở lại.

TRUNG-KỶ

Tourane.— Đến 5 Avril 1931, trường Kinh-thánh Tourane sẽ nghỉ hè. Xin Chúa ban phước cho các học-sanh học-hành tấn-tới và được đầy Đức Thánh-Linh.

Phan-thiết.— Nhờ Chúa, Hội-thánh Phan-thiết độ này có vẻ tấn-tới lắm. Mỗi khi giảng, người ngoại đến nghe rất đông, và cũng có người cầu-nguyện. Có ba tin-đồ nghèo, làm thợ mộc, dâng 32\$ cho Chúa để mua gỗ đóng thêm mái hiên phía trước nhà giảng. Sốt-sắng thay!

Ninh-hòa.— Hội-thánh Ninh-hòa cũng đã tiến bước. Mỗi lần giảng, thường có độ tám mươi người lớn và năm chục trẻ con nhóm lại. Tiền dâng hằng tháng được độ 14\$ trở lại. Xin nhớ cầu Chúa cho Hội Ninh-hòa sớm được tự-lập.

Faifoo.— Sau hai tuần cầu-nguyện, đã được Chúa chữa cho người con gái, 16 tuổi, ở làng Châu-bí, khỏi chứng điên. Thật Chúa đã cứu được người tuyệt-vọng.

Thanh-hóa.— Ông mục-sư Tiếp giảng phấn-hưng hai tuần; 30 người cầu-nguyện.

Vinh.— Ông mục-sư Tiếp giảng phấn-hưng chín ngày, có 11 người cầu-nguyện.

BẮC-KỶ

Quảng-yên.— Mới được phép giảng đạo Chúa tại Quảng-yên. Quảng-yên sẽ là hội nhánh của Hải-phòng.

Hà-nội.— Hội-đồng thường-niên có mời ông mục-sư Thái cứ ở Hà-nội.

Nhà-in bốn-hội.— Đang in một sách, nhan đề là «**Đường sáng hằng ngày,**» bằng lời Kinh-thánh, để giúp gia-đình lễ-bái đọc trong hằng ngày. (Coi trang 104)

KINH-THÀNH - - -



- Là đường Chúa dẫn đến thiên-đàng.
Là mào triều-thiên đội cho đờn-ông thêm mạnh, đờn-bà thêm xinh.
Là duyên-có giục người hi-sinh hết thấy.
Là lò đúc nên hạng trẻ có tánh tốt.
Là thầy dạy thiếu-niên sống cách thiêng-liêng.
Là cách đối việc rất thường nên việc long-trọng.
Là áng văn-chương rất giá-trị, và tài biện-luận rất hùng-hồn.
Là đuốc sáng soi đường trong đêm tối-tăm mờ-mịt.
Là mặt trời không hề lặn, và cứ chiếu khắp thế-gian.
Là những ngôi sao chẳng khi nào mờ.
Là ngọc lưu-li của lời hứa sáng-chói đời đời.
Là máy in không bao giờ ngừng.
Là cái la-kinh chỉ đường thật-thà ngay-thẳng cho người làm-ăn.
Là sự yên-ủi lớn của tang-gia.
Là khí đuổi các đám mây khỏi bầu trời, và che người trong cơn mưa to gió lớn.
Là tay dứt xiềng-xích khỏi người tù.
Là tiếng gọi tỉnh nam nữ mê-man trong vòng tội-lỗi.
Là lửa hâm lòng nguội-lạnh như nước đá bởi ý ích-kỷ và bởi tánh vô-tình của thế-gian.
Là suối tuôn nước ngọt-ngào đầy-đủ.
Là lời đáp lại mỗi vấn-đề lớn của linh-hồn.
Là sách cắt nghĩa mọi sự khó hiểu trong đời sống.
Là đồn-lũy kiên-cố, không hề rúng-động, dầu bị vây-hãm.
Là sự khôn-ngoan lạ-lùng, và chơn-ly gọi lòng tin chắc.
Là đường mới mở giữa rừng hoang.
Là phương-pháp dắt người mọi-rợ lên đường văn-minh.
Là vườn tốt-đẹp và thơm-tho.
Là hi-vọng không hề tan mất.
Là tình yêu quá sốt-sắng, và lẽ gốc còn đời đời.
«Là cây sự sống trổ mười hai mùa.»
Là lẽ thật khiến linh-hồn vâng-phục được mở-mang và cao-thượng.
Là lời khẩu-hiệu của sự cứu-rỗi, và có mục-đích là sự sống đời đời.
Là món thêm vui cho mọi sự vui trong đời sống.
Là gương soi chung của tín-đồ, khiến không để lại tiếng xấu sau khi qua đời.
Là đạo giúp người tỏ tư-cách rất xúng-đáng, rất giá-trị.
Là quyền ban cho người khiến biết tự-trị và được thắng.
Là cánh tay nâng đời sống lên địa-vị cao-trọng hơn.
Là móng tay xé tan mặt nạ của sự giả-dối.
Là bức tranh tả-chơn bộ-dạng người Pha-ri-si.
Là ngôi sao hi-vọng mọc ở giữa khoảng tối-tăm.
Là thái-độ nhìn lối trước, nhìn ra ngoài, nhìn lên cao.

HÃY TIN-CẬY, MẾN-CHUỘNG, VÂNG-PHỤC

- - - VẤN ĐỨNG!

Trái bao thế-kỷ — Kinh-thánh vẫn đứng.
Cuộc đời biển dâu — Kinh-thánh vẫn đứng.
Thay triều, đổi chạ — Kinh-thánh vẫn đứng.
Vua-chúa phế lập — Kinh-thánh vẫn đứng.
Lệnh trên ngăn-cấm — Kinh-thánh vẫn đứng.
Người đời hủy-phá — Kinh-thánh vẫn đứng.
Ghen-ghét nôi cơn dông-tổ — Kinh-thánh vẫn đứng.
Phái vô-thần công-kích — Kinh-thánh vẫn đứng.
Kẻ vô-đạo chê-cười — Kinh-thánh vẫn đứng.
Kẻ khinh-lờn mỉa-mai — Kinh-thánh vẫn đứng.
Người không tin vứt bỏ — Kinh-thánh vẫn đứng.
Phái chỉ-trích không công-nhận Thánh-Linh hà hơi — Kinh-thánh vẫn đứng.
Tiếng sét lúc-giận đánh âm-âm — Kinh-thánh vẫn đứng.
Mũi tên gièm-chê bắn ra — Kinh-thánh vẫn đứng.
Tri-khôn thế-gian như sương-mù tạm phủ — Kinh-thánh vẫn đứng.
Răng của thì-giờ nhai mãi không nát — Kinh-thánh vẫn đứng.
Kẻ đoán trước Kinh-thánh biến mất — Kinh-thánh vẫn đứng.
Lắm tiếng phỉnh-phờ, bao giọng nhạo-báng — Kinh-thánh vẫn đứng.
Lời diên-dại nói nghịch — Kinh-thánh vẫn đứng.
Lúc mắng-sừa cần đèn vọi chiếu sáng — Kinh-thánh vẫn đứng.
Tuổi trẻ dầu xanh thêm tòn-chỉ cao-xa — Kinh-thánh vẫn đứng.
Khí đứng tuổi khát lẽ thật đưa đường — Kinh-thánh vẫn đứng.
Lúc dầu bực răng long nhờ gậy chống-dỡ — Kinh-thánh vẫn đứng.
Buồn-bực rèn-siết muốn được yên-ủi — Kinh-thánh vẫn đứng.
Yếu-đuối kiếm nguồn quyền-phép — Kinh-thánh vẫn đứng.
Mỏi-mệt tìm nơi ăn-náu yên-nghỉ — Kinh-thánh vẫn đứng.
Hồn đời đời ăn — Kinh-thánh vẫn đứng.
Kẻ bộ-hành húp nước mát — Kinh-thánh vẫn đứng.
Khách trầm-luân cầu cứu khỏi biển khổ — Kinh-thánh vẫn đứng.
Tội-nhơn sa-ngã mong thoát vực sâu — Kinh-thánh vẫn đứng.



KINH-THÁNH, THÌ ĐƯỢC SỰ SỐNG ĐỜI ĐỜI



HOA TÍM

(Violettes)

Khiêm-nhường

KHI đi chơi trong vườn, tôi lấy làm vui-thích lắm. Một hôm, tôi đang ngắm cảnh, bỗng ngửi thấy mùi hoa thơm ngào-ngạt. Tôi tưởng thứ hoa thơm đó ra từ một cây to nào. Vậy tôi ngược mắt lên trên các cây to để tìm thứ hoa quý-hóa đó. Nhưng chẳng thấy đâu!

Những cây to khác nào hạng người kiêu-ngạo không dâng cho Chúa mùi thơm ngào-ngạt như thứ hoa rất nhỏ mà thơm.

Có một thứ hoa nhỏ màu tím, gọi là «violettes.» Hoa ấy cam lòng mọc chỗ đất cứng, khó lớn lên được, và không được người săn-sóc đến bao giờ. Hoa đó phải chịu buồn-rầu khổ-sở biết bao! Song nó vẫn tươi-đẹp trên cành.

Hoa ấy vẫn tự tỏ ra mùi thơm ngào-ngạt, như mùi trầm-hương rất thánh-khiết. Nó lại bằng lòng lấp-ló dưới lá, không cần ai biết.

Thứ hoa này chỉ về lòng người có tánh nhu-mì, dâng mình hầu việc Chúa

cách sốt-sắng, không muốn phô việc mình làm để người khen-ngợi; song cứ liêu mình mà dâng mùi thơm thiêng-liêng.

Trong Hoa-Tâm-Hội có lẽ có một em phải ở chỗ không vui, phải chịu khổ-khó, phải làm nặng-nhọc; nhưng em ấy ăn-ở trung-tín dầu không ai biết, mà chỉ có một Đấng, tức là Đức Chúa Jê-sus-Christ biết thôi. Có khi em đó cũng bị ma-quỉ cám-dỗ, tưởng mình còn ít tuổi, không cần ăn-ở cách vui-mừng. Sự mừng-rỡ của em đó giống như mùi thơm của hoa tím, dầu bị lá cây che-lấp, nhưng vẫn ngào-ngạt. Vậy, em đó đừng nên ngã lòng nản chí, phải tỏ sự vui-mừng thiêng-liêng cho mọi người biết.

Hỡi em yêu-dấu! tuy em không thấy được sự vui-mừng và ân-diễn của Chúa, nhưng ân-diễn đó vẫn đầy-dẫy cho em, cũng như hoa kia dầu không để cho người ta thấy được, nhưng hương vẫn thơm vô-cùng.



Thờ Chúa cách trung-tín, có lẽ em sợ người ta gièm-chê mình. Nhưng, em ơi! lòng trung-tín của em chỉ có Chúa biết, Ngài sẽ ban ân-diễn đầy-dẫy cho em, và làm em thơm phưng-phức như mùi hoa tím ở dưới lá kia vậy.

«Hoa tím ơi! loài người chúng tôi muốn hoa dạy-dỗ về sự vui-mừng, khiêm-nhường, và nhu-mì. Tại sao hoa có tánh rất vui, và làm thơm-tho một vùng không-khí, dầu mình nhỏ-mọn và ở chỗ tối-tăm khó chịu?»

Vậy, chúng ta nên nghe tiếng đáp rất nhỏ của hoa ấy:

«Loài người hỡi! Tôi thường vui-vẻ vì biết Đấng dựng nên tôi muốn tôi làm cho loài người cũng vui. Tôi bằng lòng chịu ở đây vì có ý-muốn của Đức Chúa Jê-sus. Tôi không tìm sự khen-ngợi của người, vì tôi chỉ hầu việc Chúa mà thôi. Vậy, nếu Ngài thỏa lòng vì có tôi dâng mùi thơm ngào-ngạt, thì tôi vui-mừng xiết bao!»

Xin các em trong Hoa-Tâm-Hội hãy bắt chước hoa ấy!



LÁ THƠ HỎI CHỊ HOA-HỒNG

Cảnh mai tuyết điểm, đông mãn xuân về, em vừa được tin Thánh-Kinh Báo cho hay rằng chị lập Hoa-Tâm-Hội để khuyên-dạy các em, khiến lòng chúng em được đẹp như hoa, ngõ hầu kết-quả nhiều cho Chúa. Chúng em rất cảm tình thơm-tho của chị. Song có một nghi-đề, xin hỏi: Chị sanh ở địa-phương nào? Thế-kỷ nào? Gốc-tích của chị thế nào? Chị ra đời bởi tay trước-thuật, hay là hoài-thai bởi lời Thánh-Kinh? Có sao chị không ra đời nhằm lúc mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mà đưa tươi cùng cô lan, cô sen, di cúc? Có lẽ chị hẹn-hò với ả hoa mai, để cùng xuất-hiện với cụ Thánh-Kinh Báo, cho nên chị mới muộn-mãn đến mùa đông chăng? Em chưa tỏ ngon-ngảnh, xin chị bày cội rễ. Cảm ơn.

— Phan-xuân-Thiện



TRẢ LỜI EM PHAN-XUÂN-THIỆN

Trời thanh mây tạnh, gió thổi liu-liu, vừa được lá thơ của em bay đến, hỏi về gốc-tích của chị, chị xin lấy nghĩa hình-

bóng mà tường thuật cho em nghe: Nguyên từ đời thượng-cổ Đức Chúa Trời lập vườn Ê-đen, bóng ô thấp-thoáng, tia hồng chói-roi, làm cho trên tầng trời nảy ra đủ các thứ màu; Ngài bèn lấy màu ấy mà điểm-trang cho chị, rồi đặt chị đứng giữa vườn Ê-đen. Ấy là quê-hương chị đó.

Ngài hằng lấy danh của chị làm dấu chỉ cho người ta biết trước rằng: Ngài sẽ ban một Đấng oai-nghi tốt-đẹp hơn các vật ở trên trời, hiện hình xác-thịt, để tỏ tánh thánh-khiết, thương-yêu, trọn- vẹn cho loài người. Tánh ấy tức là thân-phụ của chị. Còn tia hồng của vàng kim-ô kia là thân-mẫu của chị.

Vì có Đức Chúa Trời dùng danh chị mà vẽ tánh-nết tốt-lành của Đấng Christ, nên chị mới được phô-trương trong vườn Ê-đen và ở thế-gian này. Hằng sống đời đời, ấy là niên-canh của chị, chớ chẳng giống như cuộc phù-sanh nay còn mai mất, sớm nở chiều tàn dâu.

Nhớ thuở ông A-đam và bà Ê-va bị đuổi ra khỏi vườn Ê-đen, có lẽ bà ấy cặp chị đi cùng. Nay em, vì tình thương-yêu loài người, nên chị ước-ao đem thân này bay đi mọc khắp thế-gian: trong thành nghĩa, ngoài ruộng tình, chốn đất khô, nơi đồng vắng, đâu đâu cũng có chị, để yên- ủi lòng người, và làm vật kỷ-niệm về vườn Ê-đen đã mất vì có loài người phạm tội.

Chị không ra đời nhằm mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông lập bởi thế-gian. Nhưng chị ra đời bởi tay Chúa ở vườn Ê-đen; nơi đó bốn mùa vui-vẻ, mọi vật êm-đềm, dường như cảnh thiên-đường vậy. Có chị ở trong thế-gian này, thì người đời còn được hưởng đôi chút thú-vị tốt-lành của vườn Ê-đen; vì trong lòng chị có vui-mừng, đẹp-đẽ và trọn- vẹn. Ấy là chị theo ngọn gió hiu-hiu đưa mùi thơm-tho từ thiên-đường xuống thế-gian, hầu cho người ta biết hạnh-phước vui-vẻ trên trời.

Em phải biết rằng tin-đồ nhờ ơn Chúa, có thể lấy thí-dụ trong Kinh-thánh mà đặt tên mình. Bởi thế, hai chữ «hoa-hồng» trở nên danh-hiệu của Hà-thành tín-nữ.

Nay kính thơ

Chị Hoa-Hồng

Tái bút.— Vì không đủ chỗ, nên phải hoãn danh-sách những em vào Hoa-Tâm-Hội đến kỳ khác.



GIẢI NGHĨA THƠ CÔ-RINH-TÔ THỨ NHỨT

(Tiếp theo)

J. DRANGE OLSEN

(5) Hội-thánh thật là phổ-thông khắp cả.— «Lại cho mọi người bất-luận ở nơi nào.» Nhờ câu này ta thấy rõ cái phương-diện thứ năm về chân-tánh của Hội-thánh thật là *sự phổ-thông*, tức là mọi nơi nào cũng đều có cả, vô-luận là nơi thâm-sơn cùng-cốc, hải-giác thiên-nhai. Kinh-thánh dạy rằng chỉ có một Hội-thánh. Hội ấy vô-hình và phổ-thông, trải qua các thời-dại vẫn đã có, hiện-tại cũng có, một phần thì ở trên trời, một phần thì ở dưới đất. Phần ở trên trời là các tín-dồ đã đi cùng Chúa rồi; còn phần ở dưới đất là các tín-dồ đang cùng nhau nhóm-hiệp thờ-phượng Chúa cách xứng-dáng với đạo Tin-lành. Hiện nay ở thế-gian, Hội-thánh gồm ba nhánh lớn là Giáo-hội Cải-chánh, Giáo-hội Gô-réc và Giáo-hội Rô-ma. Nhưng ba Giáo-hội ấy bất quá là vóc-giác của Hội-thánh hữu-hình, các tín-dồ thuộc về ba nhánh ấy phồn-tạp lắm, phần đông chẳng được tái-sanh, nên cũng chẳng được thuộc về Hội-thánh thật của Đức Chúa Trời. Tuy vậy, từ trong ba nhánh ấy lại cũng có những kẻ thật lòng đã tin-cậy nơi Đức Chúa Jê-sus-Christ choặng tái-sanh và cứu-rỗi. Những kẻ ấy trong năm châu sáu giống, bất-luận ở phẩm-hạng nào đều có cả, và thấy đều đồng-thình cầu-khẩn danh Đức Chúa Jê-sus-Christ, công-nhận Ngài là Chúa và là Cứu-Chúa mình, vui lòng vâng theo ý-chỉ của Ngài đã phán dạy ở trong Kinh-thánh.

Họ được thuộc về Hội-thánh thật của Đức Chúa Trời, tức là Hội-thánh vô-hình vậy.

Trung-ương của Hội-thánh này chẳng phải ở tại thế-gian, bèn là ở trên trời (Phil. 3: 20; Ga 4: 26). Hội ấy chẳng chịu xưng ai ở dưới thế-gian là đầu-trưởng, là chủ mình, chỉ quyết xưng một mình Đấng Christ là Chúa độc-nhứt-vô-nhị. Hội-thánh ấy cũng chẳng nhờ sự tổ-chức hữu-hình mà đoàn-hiệp, bèn đồng nhờ Đức Thánh-Linh và tình yêu-thương của Đấng Christ rải khắp trong lòng các thuộc-viên, ràng-buộc ai nấy lại thành một đoàn-thể thánh ở trong Đức Chúa Jê-sus-Christ (Êph. 4: 1-16).

Đó là năm cái phương-diện phân-lích cái tánh-chất của Hội-thánh thật. Nên chi, Hội nào mà được Đức Chúa Trời kêu-gọi ra khỏi thế-gian, được thuộc về Đức Chúa Trời, được nên-thánh trong Đức Chúa Jê-sus-Christ, được gọi làm thánh-dồ, cầu-khẩn danh Chúa, và được dự phần đến Hội-thánh phổ-thông, thì quả là Hội-thánh chân-chánh, là tín-dồ thật của Đức Chúa Jê-sus-Christ vậy.

Hỡi chư độc-giả, tôi chắc rằng quý-ông quý-bà đã có nghe tiếng Chúa kêu-gọi mình rồi. Quý-ông bà có đáp lại chưa? Có vui lòng lìa khỏi những sự phù-vân của thế-gian này chẳng? Có tin-cậy nơi công-lao của Đức Chúa Jê-sus-Christ ngõ được tái-sanh làm con-cái thuộc Đức Chúa Trời chẳng?

Có được nhờ quyền-phép của Đức Thánh-Linh bỏ hết các sự ô-uế của đời này mà nhập vào địa-vị thánh của Đấng Christ, đến đổi mỗi sự hành-vi cử-chỉ của mình, nhứt nhứt đều là thánh-sạch, được đẹp lòng Đức Chúa Trời mọi đường hay chưa? Có cầu-khẩn danh Chúa Jê-sus chưa? Có công-nhận Ngài là Chúa độc-nhứt-vô-nhị của mình chẳng? Danh của mình có được ghi vào sổ sanh-mạng của Hội-thánh thật ở trên trời chưa? Bằng có hết như vậy, thật là phước cho mấy ông mấy bà vô cùng! Vì quý ông bà có thể quả-quyết rằng mình thuộc trong Hội-thánh của Đức Chúa Trời. Bằng như chưa có như thế, quý ông bà còn đứng trong địa-vị nguy-hiểm lắm; dám xin khuyên mau mau hãy lia bỏ các sự tạm-thời kia mà trở về cùng Chúa ngõ hầu hưởng được các phước-hạnh dư-dật đời đời.

c) Chúc-nguyện ân-diễn và sự bình-an (câu 3).— «Nguyên-xin anh em được ân-diễn và sự bình-an ban cho bởi Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và bởi Đức Chúa Jê-sus-Christ.» Xét ra câu này thì thấy hai chữ cần-kíp là «ân-diễn» và «bình-an.» Ân-diễn là nguyên-nhân, bình-an là hiệu-quả. Và, được ân-diễn của Đức Chúa Trời tức là được sự hạnh-phước do lòng yêu-thương của Ngài cách nhưng-không. Nào sự được tha tội, nào sự được xưng công-bình, nào sự nên-thánh, nào sự được công-nhận làm con-cái Đức Chúa Trời, nào sự nuôi-dưỡng cho lớn lên trong Đấng Christ, bao nhiêu công-việc đó đều do ân-diễn của Đức Chúa Trời mà ra cả. Đức Chúa Trời ban cho ta các hạnh-phước ấy chẳng phải vì ta xứng-dáng lãnh được đâu, bèn là vì Ngài đoái lòng thương-yêu ta mà thôi. Cho nên Phao-lô dạy rằng: «Đức Chúa Trời tỏ lòng yêu-thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là người có tội, thì Đấng Christ vì chúng ta chịu chết» (Rô 5: 8).

Nguyên-nhân là thế, còn hiệu-quả là

sự bình-an. Tại sao? Vì ta đã được tha-thứ các tội-lỗi, được xưng công-bình, mới mong hòa-thuận lại với Đức Chúa Trời (Rô 5: 1). Có được nên-thánh thì mới được nhờ luật-pháp của Thánh-Linh, sự sống trong Đức Chúa Jê-sus-Christ, mà được buông-tha khỏi luật-pháp của tội-lỗi và sự chết (Rô 8: 2). Tiếp sau các sự ấy liền sanh nảy nơi lòng chúng ta sự công-bình thực-nghiệm, sự bình-an và sự vui-vẻ bởi Đức Thánh-Linh vậy (Rô 14: 17).

Nghiệm suy chí lý, các cái hạnh-phước lạ-lùng như thế há chẳng phải do bởi một căn-nguyên tối-cao, tối-trọng vô-cùng mà ra hay sao? Thật hẳn như vậy. Cái căn-nguyên ấy là chính Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jê-sus-Christ. Ta thử đem chiếu chứng nơi câu này, vì nó dạy rõ-ràng Đức Chúa Jê-sus-Christ và Đức Chúa Trời đều bình-đẳng, vì các ân-phước thiêng-liêng đều do hai Ngôi ấy lưu ra cho loài người. Đức Chúa Trời định liệu sai Con yêu-dấu của Ngài xuống thế-gian cứu chuộc loài người; Con yêu-dấu ấy bèn giáng xuống, chịu chết và sống lại, cốt để mở miệng công-tuôn chảy các ân-diễn của Đức Chúa Trời đến cho loài người. Hiện nay Đức Chúa Trời thật muốn ban ân-diễn và sự bình-an cho mọi người, nhưng buộc phải thọ-lãnh ở nơi Đức Chúa Jê-sus-Christ mới được. Còn thử xin ân-diễn và bình-an ở ngoài Đức Chúa Jê-sus-Christ, thì không hề khi nào nhận-lãnh gì hết, vì là toàn ở trong Đấng Christ mà thôi. Nên Phao-lô có chứng rằng: «Vì chung Đức Chúa Trời đã vui lòng khiến mọi sự đầy-dẫy của mình chứa ở trong Ngài.» Và lại: «Ngài đã xuống cho chúng ta trong Đấng Christ đủ mọi thứ phước thiêng-liêng ở các nơi trên trời.» Lại rằng: «Vì chỉ có một Đức Chúa Trời, và chỉ có một Đấng Trung-bảo ở giữa Đức Chúa Trời và loài người, tức là Đức Chúa Jê-sus-Christ, là người» (Cô 1: 19; Êph. 1: 3; I Ti 2: 5).

Thế thì, nếu sự đầy-dẫy của ba Ngôi Đức Chúa Trời tích-trữ trong Đức Chúa Jê-sus-Christ, nếu trong Ngài có đủ mọi thứ phước thiêng-liêng từ trên trời mà ra; và lại, nếu chỉ một mình Đấng Christ là Đấng Trung-bảo ở giữa

loài người và Đức Chúa Trời để phân-phát các phước ấy, cố-nhiên nếu ai muốn thọ-hưởng, thì phải đến cùng Đức Chúa Jê-sus-Christ mà lãnh, ngoài ra nơi ấy thật không ai được chút gì hết vậy. (Còn tiếp)

LỊCH-SỬ ÔNG LIVINGSTONE

Nguyên-văn tiếng Anh của cử-nhơn Basil Mathews

◆ ◆ ◆
(Tiếp theo)

Không bao lâu, lại có một giáo-sĩ đến, vợ chồng ông bèn cùng nhau đi lên phía bắc để thám đất. Người *Mabotsa* cố mời ông ở lại mà rằng: «Chúng tôi sẽ xây một cái nhà khác để ông ở.» Song *Livingstone* vẫn cứ sốt-sắng, mạnh-dạn tiến bước. Khi ông đến xứ *Chonuane*, cách *Mabotsa* 120 cây số, thì Hi-hi-li, tù-trưởng ở đó, hoan-nghênh ông lắm. Ông ở lại xứ đó, xây nhà ở, dựng trường học; song, xưa nay người bôn-xứ không có chữ-nghĩa, còn biết sách-vở là gì nữa! Chỉ có một viên tù-trưởng rán sức chăm học, trong một ngày, học thuộc được hết những chữ cái. Hi-hi-li muốn những người thuộc bộ mình cũng theo đạo Chúa, bèn nói với ông rằng: «Tôi sẽ ra lệnh ép bộ-thuộc tôi phải tin theo Đức Chúa Jê-sus; bằng chẳng, tôi sẽ đánh đòn mà đuổi đi.» Ông nói: «Không nên, lấy sức phục người, không bằng lấy đạo-đức làm cho người phục.» Ít lâu, ông sanh được một trai; người bôn-xứ thấy con đó trắng-trẻo, đều vui-mừng yêu-dấu lắm.

Ở *Chonuane* khi đó nóng dữ, khô-cạn đã lâu, không có nước. Bị mặt trời thiêu-đốt, loài sâu trong đất-cát đều chết hết cả. Ông bèn dời nhà đến xứ *Kolobeng*, ở gần núi đá, bên cạnh có sông. Người bôn-xứ thấy ông đổi chỗ

ở, cũng bàn nhau đi theo, đông như bầy kiến. Khi ông đã đến *Kolobeng*, thấy ở đó có nhiều thú dữ, hằng vào xóm khuấy người. Một hôm, ông ở trước cửa, bắn giết tê đực và tê cái (1). Lại giúp người bôn-xứ đào một con sông nhỏ, dẫn nước tưới vườn. Ông và vợ ông lại lập được một trường học. Một buổi chiều kia, chợt có người hốt-hoảng chạy đến mách rằng: «Trong rừng rậm kia, cách đây chừng 30 cây số, có một người đi săn đang bị khốn-đốn bởi con tê-ngưu; mà chính con đó đã húc chết một con voi lớn và đá ngã một người phu xe rồi! Xin ông mau đến cứu-giúp!» Ông bèn thẳng ngựa, vác súng ra đi. Có người ngăn rằng: «Chỗ đó là khu rừng rậm, sự-tử và tê-ngưu thường hay ra vào, có vẻ nguy-hiểm lắm. Ông đừng đi!» Ông không nghe, vội đi ngay đến chỗ đó. Tới nơi, thì người đi săn đã chết rồi! Ông lại đi đêm về nhà.

Nghe nói qua đồng vắng *Kalahari*, đi về phía bắc độ vài trăm cây số nữa, có cái hồ lớn, ông muốn đi thám. Hi-hi-li bảo ông rằng: «Tôi chưa hề thấy người ngoài nào qua được đồng vắng đó.» Ông nói: «Trong châu Phi, chỗ nào có đất có người, thì tin-đồ Đấng Christ cần phải đi đến.» Nhơn bấy giờ có một viên tù-trưởng ở bên bờ hồ,

(1) Giống tê cái này hung-tợn lắm. Đầu có một sừng, da rất dày. Da nó dùng làm áo giáp.

vốn biết tiếng ông, bèn mời ông đi đến. Sứ-giả của viên đó nói với ông rằng: «Chủ tôi giàu lắm, lấy ngà voi làm chuồng trâu.» Ông liền cùng hai ông bạn người Anh cỡi xe trâu đi về phía bắc: trèo-leo rừng núi, len-lỏi đất bằng. Gai-gốc chà-chạnh ra ngoài lối đi, đâm cả vào người. Xứ đó có giếng ngon nước, có dê tài nhảy, có vượn khéo hát, có chim đà-diều, có giống lợn Ba-tây, có sư-tử và loài sài-lang. Loài cỏ miền đó đều có củ ăn sâu xuống đất-cát, hút nước để nuôi thân. Củ nó ngọt và mát, cách mặt đất độ hai thước, to bằng cái đầu trẻ con.

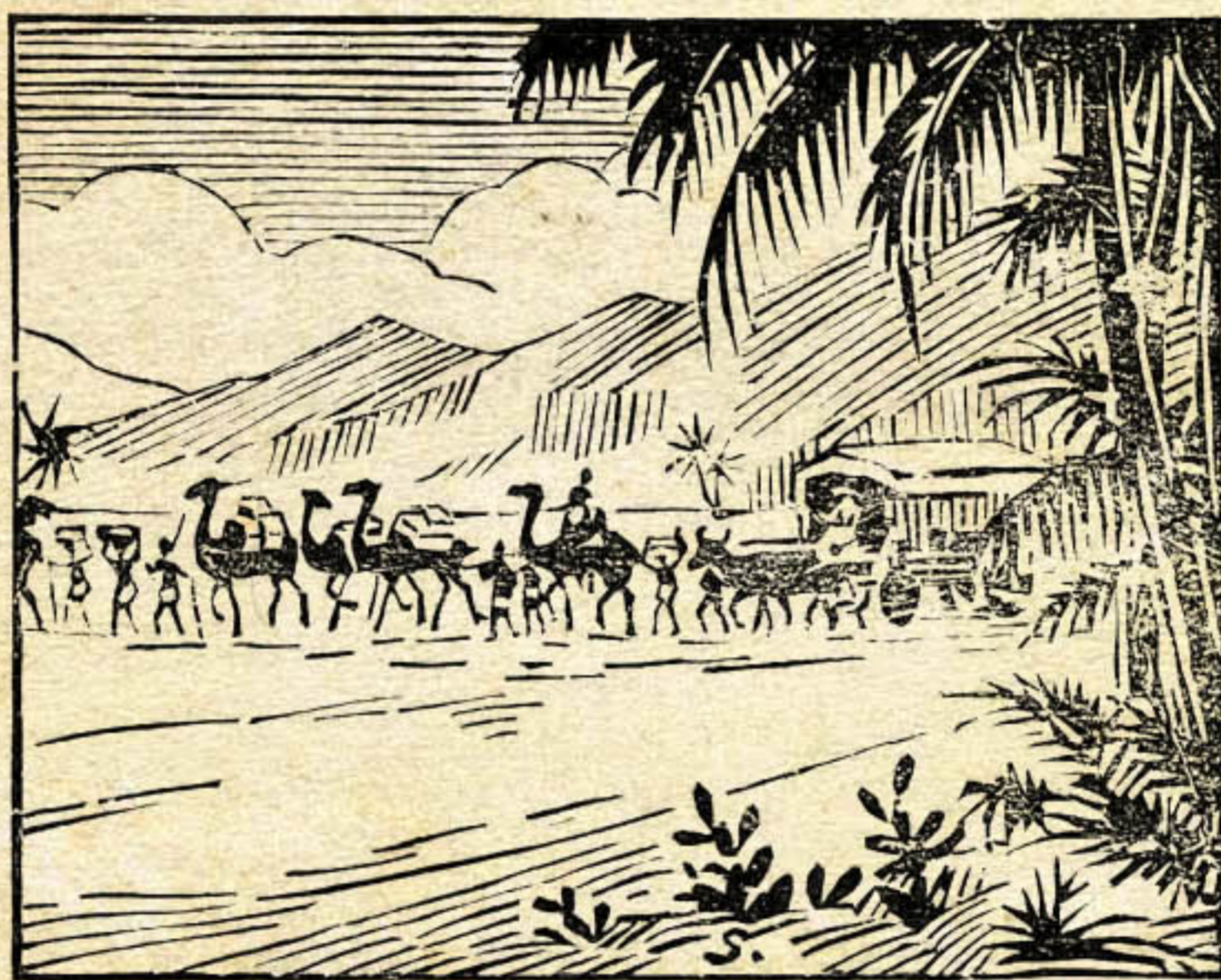
Một hôm, ông đi đường, khát quá, đi đến một nơi, người bản xứ da hơi vàng-vàng, nói tiếng lều-lô khó hiểu. Dân ở đó riêng làm nghề vẽ, là hạng người giỏi nhứt châu Phi.

Trước kia, người ngoài vào xóm kiếm nước, thường bị người bản-xứ bắt-nạt đến nỗi phải nổi giận, ra oai ngăm-đe; người bản-xứ bèn lấy tên độc mà bắn lại. Chỉ có khi ông đến xin nước uống, thì có vẻ nhu-mì đáng yêu. Có vài người đờn-bà lấy nước chứa trong trứng chim đà cho ông uống. Song, ở xứ đó không nước mưa, không giếng, không suối, thì lấy đâu có nước trong trứng chim đà? Phải biết rằng dưới cát bên sông còn có mạch nước, họ đào hố thả cỏ, để lọc cho sạch, rồi sau lấy ống lau hút lên, chứa trong vỏ trứng chim đà, lấy cỏ thút nút miệng trứng, đem về để ở dưới hầm trong xóm; người ngoài khó lòng kiếm được.

Một lát, ông và các bạn lại đi. Trời nắng không mây, bóng hồ lấp-loáng, ông hơi hồ-nghi. Một hôm, đường thấy nước mây man-mác, chắc hẳn gần

đến bờ hồ; ông mừng lắm! Trâu cũng đi mau, dường như vì khát mà chạy tới suối. Song, người đưa đường chế-nhạo rằng: «Đó là mơ-tưởng thôi; chớ cách hồ còn những 900 cây số nữa! Giây-lát, đi đến một con sông nhỏ, lắm rừng, nhiều cây. Giống người ở đó không muốn chiến-tranh với ai, cho nên họ đóng thuyền con, làm nhà nổi ở trên mặt nước. Thuyền thì làm theo hình cây gỗ thiên-nhiên. Vì xứ đó nhiều sư-tử và rắn độc, nên họ ở thuyền tốt hơn, cả nhà ăn nằm đều ở trong đó.

Bọn ông cũng đi thuyền, so với xe trâu lại có vẻ êm-dềm dễ chịu hơn. Theo sông đi lên, thấy có sông con từ bắc đổ lại. Ông hỏi cái nguồn sông đó, thì người bản-xứ nói: «Ấy là từ khu nhiều nước nhiều cây mà đổ lại.» Nghe vậy, ông cả mừng;



ngĩ bụng đã có nguồn nước rừng cây, thì nhà ở ắt hẳn đông-dúc, thật là chỗ tốt để truyền đạo. Nhưng, sao đồng vắng hầy còn mông-mênh thế này! Vì vậy, *Livingstone* tìm được chỗ đất người đời chưa biết. Ngày một, tháng tám, năm 1849, ông tìm thấy cái hồ *Ngami*. Trong người châu Âu, chính ông là người đến đây trước nhứt. Ông cứ tiến lên, muốn đi khắp cả bờ-cõi xứ đó; song viên tù-trưởng ngăn-trở, bảo ông cứ ở bờ hồ, chớ không giúp cho đi. Ông định cốn gỗ làm bè, chở xe trâu để vượt hồ; sau vì gỗ nát khó bó, không đi được. Về sau, biết trong hồ *Ngami* có nhiều cá sấu, hằng làm hại người và súc-vật. Cực chẳng đã ông phải trở về, nói với người nhà rằng: «Khi nào muốn đi đến hồ, tôi xin làm người đưa đường dẫn lối.»

CHƯƠNG THỨ NĂM

Con trẻ thấy hồ

SANG năm sau, ông đem ba người con nhỏ và cả gia-quyển cùng đi. Trong khi đi xe, thấy con lanh-duong chạy nhảy ở đồng cỏ, những người trẻ tuổi da đen cầm cung săn-bắn; bóng mặt trời lấp-loáng trên bãi cát, bắn ra tia sáng có vẻ hoạt-động. Kia con ngựa vằn, nầy con thủy-ngưu, tấp-nập không ngừng. Đã đến sông *Zouga*, thấy trẻ bôn-xứ chở thuyền nhỏ, vầy sóng chơi. Bầy voi lấy vòi hút nước, rồi phun lên mình để cho khỏi nóng. Đến đó, con trâu kéo xe bỗng sa xuống hố; vì người bôn-xứ đào hố để đánh bầy loài thú uống nước. Hễ có voi con sa chạm, thì voi mẹ lấy vòi cuốn lên.

Mỗi khi ông qua một nơi, ắt phải đỗ lại một chút. Vả, có khi xe đi lạc đường, hoặc có bụi gai nghẽn lối, thì lại phải chặt gai đốn gốc, rồi sau mới đi được. Có khi ông không thuộc đường, phải đi loanh-quanh kiếm lối. Vì xứ đó nhiều con mòng độc, có thể đốt chết trâu được, nên phải đi vòng để tránh. Ông đã đến hồ mà mình định thám, lại muốn tiến lên đi nữa, bèn ra mắt vua *Makololo*. Ngặt vì con nhỏ ông và người đồng-bạn đều phát sốt cả, nên cực chẳng đã phải trở về *Kolobeng*. Xứ đó khô-ráo, khí trời trong-sạch, cũng hơi hiệp vệ-sanh. Dầu vậy, con trẻ nhà ông cũng mắc chứng sốt; một người con gái mới đẻ vì thế mà qua đời. Năm đó, ông cùng ông Mỗ, lại đi đầu dẫn đường. Mỗi lần đi đến xứ nào, thì ông Mỗ ắt phải đi trước, ngắm phong-cảnh, kiếm đồ-uống, nên không khát. Một hôm, đi đến chỗ hạn-hán khô-cạn, là nơi chưa từng đi tới bao giờ, đào cát đã sâu, mà vẫn không thấy mạch nước. Dòng-dã đi ba ngày đường, chưa hề thấy một con sâu, một con chim nào cả! Đã đến bốn ngày, vẫn không có nước; mà nước đem đi để ở trong xe, lại bị đầy-tó đánh đổ hết cả! Ấy thật bởi người đưa

đi lạc đường mà nên nổi vậy. Trẻ con kêu-khóc, vợ ông lăm-bầm. Ông thật sa vào cái cảnh khó-khăn bối-rối! Quá trưa hôm thứ năm, người đi trước thỉnh-linh hò-reo được nước. Mọi người bèn được khỏi khát. Ít lâu, đến bờ-cõi của vua *Makololo*, ông vào ra mắt vua đó. Vua vốn có danh-tiếng, khiến người mến đức, sợ oai. Vả, vua lanh-lẹ tài chạy hơn cả bọn họ; hễ ra trận, ắt phải cầm búa, thét lên rằng: «Búa nầy bén lắm! đũa nào nhút-nhát sẽ biết ta nói không sai.» Vua ấy đãi ông hậu lắm, cấm cho khu đất để làm nhà. Tiếc thay, chưa được bao lâu, vua mắc bệnh, không dậy được nữa! Khi gần chết, vua hãy còn nhớ mãi người con nhỏ của ông *Livingstone*. Khi vua đã qua đời, người con gái vua lên nối ngôi, cũng hiệp với ông lắm. Ông bèn để vợ con ở lại xứ đó, còn mình và bạn thì đi lên phía đông-bắc.

Đến năm 1851, ông thám được con sông vừa lớn vừa rộng, tên gọi *Zambezi*. Sông đó chảy ra biển Ấn-độ. Bôn-ý ông cố muốn thám lấy một đường đi ngang qua phía đông-tây châu Phi để cho nhà buôn và giáo-sĩ được tiện lối đi lại. Kế đó, vì con ông thường hay nóng-sốt, nên không muốn ở lâu tại xứ đó nữa. Ông định trước hãy đưa gia-quyển tạm về nước Anh, còn mình thì chuyên việc thám đường. Vì bằng tìm được một chỗ ở hiệp vệ-sanh, sẽ lại đón gia-quyển sang châu Phi lần nữa. Ý đã quyết-định, ông bèn trở về *Kolobeng*. Chẳng dè người *Kolobeng* và viên tù-trưởng *Sechele* đều bị giống người Bannhi đánh đuổi cả. Thấy châu Phi thường xảy cái nạn chiến-tranh ghê-gớm, nên ông lại càng quyết chí mở đường đông-tây để tránh cái vạ đó.

Ông đem gia-quyển đến *Kuruman* trước, rồi đến mũi biển *Cape Town*. Tiên vợ con xuống tàu, đi vòng theo mũi biển *Good Hope* để về nước Anh. Khi gần đi, ông có viết một bức thư cho con gái bé ông mới lên 4, 5 tuổi để ghi-nhớ cuộc từ-giã. Thư rằng: (Còn tiếp)



Tháng Mars 1931

1.— Tuy ta không thể làm ngôi sao trên trời, nhưng có thể làm ngọn đèn soi nhà luôn.— *Eliot* (Ma 5: 1-16).

2.— Sự giúp người thêm mạnh là phấn-đấu, chớ không phải yên-nghỉ (Lu 4: 1-13).

3.— Đời tin-đồ Chúa không phải là bắt chước, nhưng là tỏ-rạng chính Đấng Christ (Phil. 1: 12-26).

4.— Ta không dám tha-thứ mình điều gì, nhưng phải tha-thứ mọi người khác (Ma 18: 15-35).

5.— Tôi đã tìm xem sự gì làm mất nhiều thì-giờ, thì thấy chính tại ý-tưởng xấu-xa.— *Vinet* (Lu 6: 17-49).

6.— Người ta nói về tin-đồ đầu-tiên: «Kìa, họ yêu nhau dường bao!»; chớ chẳng hề nói: «Kìa, họ nịnh nhau dường bao!»— *Vinet* (Sứ 4: 32-37).

7.— Tiếng «Tại sao?» ngày nay sẽ thành tiếng «Ha-lê-lu-gia!» ngày mai (Khải 19: 1-10).

8.— Thà chịu nhẹn-nhục để sửa lỗi người khác hơn là duồng-dây cách kiêu-ngạo (Ga 6: 1-11).

9.— Sống lâu, không kể nhiều tuổi, song là trải nhiều mùi đời.— *Rousseau* (Gi. 13: 31-38).

10.— Đời sống là ngày làm việc, chớ không phải là ngày tết vui hoặc ngày tang buồn.— *Vinet* (Ma 25: 14-30).

11.— Mỗi ngày, hãy ăn-ở như ngày cuối-cùng của mình.— *Marc Aurèle* (Ma 25: 1-13).

12.— Ngày mai là kẻ thù lớn của ngày nay; chính nó làm ta kiệt sức và mất quyền, vì xui ta lười-biếng.— *Labouleye* (Lu 12: 35-48).

13.— Ăn-ở tốt không phải là sự luống-công, song là kết-quả của tánh cao-thượng và lòng trung-tin (Châm 11: 18-31).

14.— Linh-hồn tối-cao là linh-hồn khát nhiều: khát chơn-lý, khát yêu-thương, khát nhơn-từ, và khát chính Đức Chúa Trời.— *Didon* (Gi. 4: 1-15).

15.— Rộng-rãi thay sự yêu-thương của Chúa Jê-sus! vì giục ta ăn-ở trọn- vẹn và thử làm việc lớn cho Chúa (I Gi. 4: 1-21).

16.— Giữa cuộc đã qua và chưa đến, có cuộc hiện-tại để ta làm trọn mọi bổn-phận (II Cô 6: 1-18).

17.— Đức-tin là chìa-khóa mở cửa để lấy những sự Chúa đã sắm-sẵn cách lạ-lùng cho con-cái Ngài (Hê 11: 1-16).

18.— Hãy vun-trồng trí nhớ đều tốt, và trí quên đều xấu (Phil. 4: 1-8).

19.— Pháp-luật nói: «Hãy làm để sống»; ơn-diễn nói: «Hãy sống để làm» (Phil. 1: 21-30).

20.— Chúa vẫn sửa-soạn cho ta khiến nhận lấy đều Ngài đã vì ta mà sửa-soạn (I Cô 2: 9-16).

21.— Đấng Christ giáng-thế, không phải để cải-lương tôn-giáo cũ, xã-hội cũ, tánh-chất người cũ, nhưng để làm lại mọi sự nên mới (Mác 2: 13-28).

22.— Tin-đồ Đấng Christ giống người lặn nước, cần có khí trời từ cao.

23.— Chúa muốn ta thà sốt-sắng mà ít học-vấn hơn nhiều học-vấn mà không sốt-sắng (I Cô 1: 18-31).

24.— Hãy học-tập Kinh-thánh để Kinh-thánh dạy-dỗ mình (II Ti 3: 1-17).

25.— Có phước giấu trong mỗi điều thất-vọng của ta, miễn là mình chịu chờ-đợi cách kiên-nhẫn khiêm-nhường mà tìm-kiểm lấy (Gia 1: 1-15).

26.— Ta không nên lăm-bắm và phàn-nản làm ô danh Chúa, vì lòng nhơn-từ và tình yêu-thương Chúa vẫn tỏ rõ (Phil. 2: 1-16).

27.— Ta có thể nói mình đã tái-sanh, nhưng nếu không ai thấy kết-quả của tánh mới đó, thì há chẳng phải mình tự dối mình? (Ma 7: 15-29).

28.— Nếu ai chỉ biết sống cho mình, thì không thể nói đã nhận-lãnh Đấng Christ được (Rô 14: 1-23).

29.— Ta phải thông-công nhiều với Chúa, nếu muốn chứng nhiều về Chúa cho người khác (Gi. 15: 7-17).

30.— Lối trước tối-tăm, phải nhờ lòng yêu-thương của Chúa, vì Ngài là Đấng sắp-đặt đời ta (Gi. 13: 1-20).

31.— Kết-quả việc ta làm cho Chúa có thể tóm-tắt trong một hai lời: nhiều việc, ít công-hiệu; còn thiếu đều cần-yếu là sự sống thiêng-liêng (Rô 8: 1-17).



BÀI HỌC NGÀY CHỦA NHỰT

1^{er} MARS, 1931

BÀ E. F. IRWIN

BÀ ĐÊ-BÔ-RA LÀM QUAN XÉT

(Các Quan Xét 4: 1-15)

CÂU GỐC:

«Hãy bảo những kẻ có lòng sợ-hãi rằng: Khá vững lòng, đừng sợ nữa.»

(Ê-sai 35: 4)

ĐẠI-Ý CỦA BÀI NÀY:

Đức Chúa Trời dùng loài người để làm thành những công-việc của Ngài. Đại-ý bài này là dạy người ta bằng lòng dâng mình cho Chúa để hầu việc Ngài.

TÌNH-HÌNH NƯỚC GIU-ĐA TRONG LÚC ĐÓ:

Thời-đại các quan xét trong khoảng chừng 450 năm cho đến đời tiên-tri Sa-mu-ên (Sứ-đồ 13: 20). Thời-đại các quan xét chia ra như sau này:

Những chuyện trong sách Các quan xét xảy ra trong vòng 25 năm. Từ sách Giô-suê đến sách Các quan xét có một khoảng năm năm.

Dân Y-sơ-ra-ên phục-dịch Cu-san-Ri-sa-tha-im 8 năm (Các Quan Xét 3: 8).

Ốt-ni-ên làm quan xét 40 năm (3: 11)

Phục-dịch Êc-lôn 18 năm (3: 14)

Ê-hút và Sam-ga làm quan xét 80 năm (3: 15-30)

Phục-dịch gia-bin 20 năm (4: 1-3)

Đê-bô-ra và Ba-rác làm quan xét 40 năm (5: 1, 31)

Phục-dịch Mi-đi-an 7 năm (6: 1)

Ghê-dê-ôn làm quan xét 40 năm (8: 28)

A-bi-mê-léc làm quan xét 3 năm (9: 22)

Thô-la làm quan xét 23 năm (10: 1-2)

Giai-rơ làm quan xét 22 năm (10: 3)

Người Phi-li-tin hà-hiếp dân Y-sơ-ra-ên 18 năm (10: 8)

Giép-thê làm quan xét 6 năm (12: 7)

Iếp-san làm quan xét 7 năm (12: 9)

Ê-lôn làm quan xét 10 năm (12: 11)

Áp-đôn làm quan xét 8 năm (12: 14)

Khi người Phi-li-tin cai-trị dân Y-sơ-ra-ên thì Săm-sôn làm quan xét 40 năm (15: 20).

Dân Y-sơ-ra-ên than-thở Đức Chúa Trời trong 20 năm (I Sa-mu-ên 7: 2).

Cho đến khi Ê-li qua đời có chừng 10 năm (I Sa-mu-ên 3: 1-4-18).

Tổng-cộng các đời trị-vi của hết thầy các quan xét thì có 450 năm.

GIẢI NGHĨA NHỮNG CÂU KHÓ HIỂU:

Các Quan Xét 4: 1— «Sau khi Ê-hút đã qua đời.» Khi Ê-hút qua đời rồi, dân Y-sơ-ra-ên làm điều ác, lòng của người ta lúc đó là xấu-xa và dữ-tợn hơn hết. Dân Y-sơ-ra-ên cần phải có một người thiêng-liêng và từng-trải cách cai-trị, thì họ mới chịu theo điều phải.

Câu 4: 2— «Phó chúng vào tay Gia-bin.» Gia-bin là vua của những người không thờ Đức Chúa Trời. Chúa phải hình-phạt người Y-sơ-ra-ên một cách nặng-nề để dạy-dỗ họ và khiến họ trở lại cùng Chúa. «Si-sê-ra» là quan thống-lĩnh đạo binh; dầu ông phải phục-tùng vua Gia-bin, song tự ông cũng có quyền riêng.

Câu 4: 3— «Hà-hiếp thì kêu-cầu.» Trong lịch-sử của dân Y-sơ-ra-ên thường hay có hai điều ấy. Dân ấy bị hà-hiếp nhiều lần, vì không chịu vâng lời Đức Chúa Trời.

Câu 4: 4— «Đê-bô-ra là nữ tiên-tri.» Đê-bô-ra là một người biết dẫn-dắt người ta, vì chính bà đã được Đức Chúa Trời dẫn-dắt. Bà có chồng, song bà cũng hầu việc Chúa được. La-bi-đốt, chồng của Đê-bô-ra, không được làm quan xét dân Y-sơ-ra-ên, có lẽ vì ông ấy không hết lòng theo Đức Chúa Trời.

Câu 4: 5— «**Núi Ép-ra-im**» là một dãy núi từ phía bắc xứ Pha-li-tin cho đến thành Giê-ru-sa-lem. «Ra-ma» cách phía bắc thành Giê-ru-sa-lem chừng mười cây số. «Dân Y-so-ra-ên lên đến cùng người.» Chữ «lên» ấy có hai nghĩa: Một chỉ về Ra-ma là một hòn núi trên cao; hai chỉ về sự thiêng-liêng. Bà là một nữ tiên-tri, nên người ta phải lên đến cùng bà để nghe sự xét-đoán. Điều đó chỉ về người có tội phải đạt lên đến sự thiêng-liêng (Xem Phục-truyền 17:8).

Câu 4:6— «**Đi thẳng đến núi Ta-bô.**» Khi Chúa phán-dạy điều gì cho những kẻ hầu việc Ngài, thì Ngài thường đi trước mà dẫn đường cho những kẻ ấy.

Câu 4:6— «**Đi thẳng đến núi Ta-bô.**» Chúa chỉ rõ đường đi cho những kẻ hầu việc Ngài.

Câu 4:7— «**Ta sai khiến Si-sê-ra.**» Khi Chúa phán-dạy điều gì cho những kẻ hầu việc Ngài, thì Ngài thường đi trước mà dẫn đường cho những kẻ ấy.

Câu 4:8— «**Nếu bà đi với tôi.**» Ông Ba-rác đã cảm biết Chúa vẫn ở với bà Đê-bô-ra, nên ông xin bà đi với ông, vì ông biết làm như vậy thì có Chúa dẫn-dắt ông và các binh-lính. Có bà Đê-bô-ra đi, thì giục lòng họ tấn-tối. Chúa không quở-trách ông Ba-rác, vì có ông đã xin bà Đê-bô-ra đi theo.

Câu 4:9— «**Sự vinh-hiến của việc này sẽ chẳng về người.**» Khi Chúa cần dùng người nào làm điều gì, thì Ngài không muốn cho người ấy khoe mình vì tưởng bởi mình đã làm được việc ấy.

NHỮNG ĐỀ-MỤC QUAN-HỆ:

1.— **Quan xét.**— Các quan xét của dân Y-so-ra-ên có hai bôn-phận: một là giải-cứu dân mình khỏi bị hà-hiếp; hai là cai-trị và xét-đoán họ. Song các quan xét ấy cần phải giao-thông với Chúa để biết ý-định của Ngài, mà cai-trị dân-sự. Các quan ấy đều bởi Đức Chúa Trời kêu-gọi và đặt lên, nghĩa là những người được nhận-lãnh Đức Thánh-Linh trong lòng. Các quan xét ấy cũng biết nói tiên-tri, và tỏ cho dân-sự được biết ý-định của Đức Chúa Trời.

2.— **Đê-bô-ra là một nữ quan xét.**— Điều này thật trái với thời đời lúc đó. Song, nếu đờn-ông không chịu hầu việc Chúa, thì Ngài phải dùng đờn-bà. Dầu

bà Đê-bô-ra đã biết ý Chúa dùng bà để giải-cứu dân Y-so-ra-ên ra khỏi tay người thù-nghịch, song bà có kêu và khuyên một người đờn-ông để chăm-nom cai-trị và đối-phó với kẻ nghịch-thù. Bà có đề cho ông Ba-rác dẫn-dắt binh-lính, còn bà thì chỉ đi theo khuyên-dỗ và cầu-nguyện. Bởi đức-tin, bà đã giục lòng ông Ba-rác tấn-tối trong chức-vụ mình. Quyền-hạn của người đờn-bà không phải cai-trị và đối-phó với những việc ở ngoài, nhưng là phục-tùng và yêu-thương.

3.— **Những kẻ đồng-chí với Đê-bô-ra.**— Khi đã dẹp yên giặc rồi, bà Đê-bô-ra có làm một bài thi-thiên để ngợi-khen. Ông Ba-rác cũng có hiệp với bà mà hát bài ấy. Trong sách Các Quan Xét đoạn thứ năm đã ghi-chép bài thi-thiên ấy: Trong bài hát đó bà có khen những người hiệp-tác với bà trong sự chinh-chiến. Trong bài ấy cũng có nói về Đê-bô-ra; Ba-rác và Gia-ên. Dầu bà Đê-bô-ra và ông Ba-rác không khuyên xin, nhưng các quan trưởng của Ép-ra-im, Bê-n-gia-min và Ma-ki cũng bằng lòng giúp ông và bà đó. Những người đã dự phần giúp việc lớn-lao đó, đều được phước ngợi-khen trong thi-thiên của bà.

Cũng có người không chịu đi. Bà Đê-bô-ra có nói về họ và cũng quở-trách họ nữa.

Những người tin-dồ cũng có thể làm thù-nghịch với Đức Chúa Trời. Nếu không hết lòng chống-nghịch với tội-lỗi, và không bày-tỏ đạo-lý của Ngài, thì chúng ta cũng chẳng khác nào những người không chịu ra hiệp-tác với bà Đê-bô-ra trong sự chinh-chiến vậy.

LỜI HỎI:

1.— Thời-đại của các quan xét là chừng mấy năm?

2.— Việc làm của các quan xét là gì?

3.— Tại làm sao dân Y-so-ra-ên bị hà-hiếp bởi người ngoại?

4.— Đờn-bà mà cai-trị, thì có trái với thói-tục của người ta trong lúc đó không?

5.— Tại làm sao bà Đê-bô-ra được làm quan xét?

6.— Đê-bô-ra có ý muốn làm lớn trong nước mình không?

7.— Tại làm sao ông Ba-rác muốn bà Đê-bô-ra cùng đi với ông trong khi ra trận?

8.—Tại làm sao bà Đê-bô-ra nói sự vinh-hiến của những điều ấy sẽ chẳng thuộc về người?

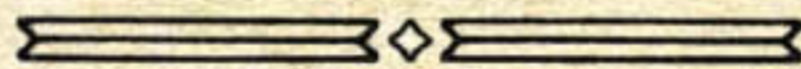
9.—Trong sự đánh giặc ấy, bà Đê-bô-ra có giúp Ba-rác bởi cách thế nào?

10.—Cách ăn nết ở của bà Đê-bô-ra có sự dạy-dỗ gì cho chúng ta?

THÍ-DỤ ĐỀ GIẢI NGHĨA CÂU GỐC:

Bà già Yu đã được cứu khỏi sự sợ-hãi.—«Hãy bảo những kẻ có lòng sợ-hãi rằng: Khá vững lòng, đừng sợ nữa.» Bà Yu là người nước Cao-ly (Corée) đã tin

theo Chúa Jê-sus. Trước khi bà ấy chịu phép báp-têm, Mục-sư hỏi bà rằng: «Bà có được phước chi từ lúc bà mới trở lại cùng Chúa không?» Bà Yu trả lời: «Có nhiều lắm chớ, tôi sẽ thuật lại một phước cho ông nghe. Trước khi tôi tin theo Chúa Jê-sus, cả đêm tôi ngủ không yên giấc, tôi thường bối-rối và sợ-hãi, vì tưởng những quỷ dữ đương làm hại tôi và cả nhà tôi. Bây giờ thì khác hẳn. Hằng ngày, khi mặt trời lặn rồi, thì tôi phó-thác hết cả nhà tôi vào trong tay Chúa, rồi tôi đi ngủ, cả đêm ngủ yên, không còn sợ-hãi gì nữa.»



8 MARS, 1931

SỰ-TÍCH CỦA NÀNG RU-TƠ VỚI MẸ CHỒNG NÀNG LÀ BÀ NA-Ô-MI

(Sách Ru-tơ 1:6-22)

CÂU GỐC:

«Ngài đã làm cho muôn dân sanh ra chỉ bởi một người,
và khiến ở khắp trên mặt đất»

(Sứ-đồ 17: 26)

ĐẠI-Y CỦA BÀI NÀY:

Bài này dạy về năng-lực của đức-tin ra thế nào.

TIÊU-SỬ CỦA DÂN Y-SƠ-RA-ÊN:

Truyện-tích trong sách Ru-tơ này xảy ra nhằm đời các quan xét cai-trị. Trong lúc đó, xảy có người Mê-đi-an đến chiếm xứ Ca-na-an mà hà-hiếp dân Y-sơ-ra-ên trong bảy năm; lại thêm có sự đói-kém ở trong xứ, nên Na-ô-mi với chồng mình là Ê-li-mê-léc cùng hai con trai đồng bỏ xứ mình mà qua trú-ngụ nơi đất Mô-áp trong mười năm.

Lúc Na-ô-mi và dâu mình là Ru-tơ trở về xứ Giu-đa, nhằm lúc quan xét Ghê-đê-ôn cai-trị.

CẮT NGHĨA NHỮNG CÂU KHÓ HIỂU

Ru-tơ 4: 8—«**Trở về nhà mẹ mình,**» chớ không chép rằng trở về nhà cha mình, dầu cha Ru-tơ còn sống. Điều đó có lẽ muốn nói cho êm tai hơn, vì mẹ biết an-ủi lòng con trong khi buồn-rầu hơn cha.

Câu 1: 15—«**Trở về thần của nó.**» Đó có nghĩa là đã bỏ Đức Chúa Trời mà trở về thần của người Mô-áp. Khi Ọt-ba bằng lòng kết-hôn cùng Mạc-lôn thì nàng

theo chồng mà thờ-lạy Đức Chúa Trời của người Y-sơ-ra-ên. Nhưng Ọt-ba theo Chúa cách bề ngoài mà thôi, nên nàng không ngại gì mà bỏ Đức Chúa Trời. Còn Ru-tơ thì hiểu rõ về Đức Chúa Trời hơn, nên mặc dầu chồng nàng đã qua đời, nhưng nàng vẫn cứ giữ lòng yêu-mến Chúa.

Câu 1: 15—«**Con hãy trở về theo nó đi.**» Bà Na-ô-mi nói câu đó, vì bà bị thử-thách nhiều, nên bà quên nhờ-cậy Chúa. Bà có khuyên-dỗ Ru-tơ trở về với Ọt-ba, bởi vì bà chỉ có lòng yêu-thương Ru-tơ theo phần xác. Về phần thiêng-liêng bà không thể an-ủi lòng Ru-tơ được, vì chính bà đã mất sự bình-yên của Chúa rồi.

Câu 1: 16—«**Xin chớ nài tôi phân-rẽ mẹ.**» Lời của Ru-tơ nói đó tỏ ra đức-tin của nàng lớn hơn đức-tin của mẹ chồng mình. Bà Na-ô-mi không biết nói gì đặng giúp-đỡ dâu mình, song nàng dâu lại biết rõ về Đức Chúa Trời hơn bà, nên nàng nhứt-định không chịu bỏ Đức Chúa Trời mà trở lại thờ hình-tượng nữa. Ấy bởi Ru-tơ có lòng tin Chúa, nên nàng có thể giúp mẹ chồng mình là Na-ô-mi được.

Câu 1: 19—«**Cả thành đều cảm-động.**» Điều ấy tỏ cho ta biết nhà bà Na-ô-mi là nhà có danh-tiếng lớn. Lại có chép: «Ấy,

có phải là Na-ô-mi chẳng.» Nói như vậy, là vì họ lấy làm lạ bởi có bà ấy trở về một cách buồn-bực, không có chồng con chi hết.

Tên Na-ô-mi nghĩa là vui, trong câu 20 bà Na-ô-mi đã xin họ đổi tên bà là Ma-ra, nghĩa là cay-dắng.

Câu 1: 21—**«Tôi đi ra được đầy-dẫy.»** Nghĩa là lúc đi ra, bà có đủ chồng con, chớ không phải là giàu-có. Vì gặp cơn đói-kém, nên nhà bà mới bỏ xứ mà đi. Lại có chép: «Chúa dắt tôi về tay không.» Bà Na-ô-mi cứ phàn-nàn hoài vì bà không tìm sự vui trong cơn thử-thách mà bà đã gặp. Đức Chúa Trời giáng cơn thử-thách để dạy người ta biết nhờ-cậy Ngài. Nếu ta biết Chúa là «Chúa sửa-phạt kẻ Ngài yêu,» thì mới được bình-yên trong mọi sự thử-rèn.

NHỮNG ĐỀ-MỤC QUAN-HỆ

Sự quyết-định của Ru-tơ.— Hai người dâu của bà Na-ô-mi là người Mô-áp vốn không biết Đức Chúa Trời. Nhưng vì Na-ô-mi biết Chúa, nên hai người dâu cũng được nghe về Ngài. Vả, Ru-tơ bằng lòng thờ-phượng Ngài. Đến khi Na-ô-mi bỏ xứ Mô-áp và khuyên hai dâu ở lại xứ họ, thì Ru-tơ không chịu. Nàng muốn được dự phần trong sự sống đời đời, nên đã quyết-định đi với Na-ô-mi, vì biết trong xứ Y-sơ-ra-ên người ta thờ-phượng Chúa.

Theo phần xác, thì Ru-tơ là tổ-mẫu của Đức Chúa Jê-sus. Ấy là ý của Đức Chúa Trời đã định cho nàng, song nàng phải lựa-chọn. Chúa không chịu ép ai hết. Chúng ta thấy có hai người: Ru-tơ và Ot-ba. Cả hai đều có thể theo Chúa, song Ru-tơ bằng lòng, nên được phước nhiều; còn Ot-ba không chịu và trở lại theo các hình-tượng.

Đức-tin của Ru-tơ.— Đức-tin của Ru-tơ lớn lên mau lắm. Na-ô-mi đã dạy-dỗ Ru-tơ về Đức Chúa Trời và về công-việc Ngài đối với dân Y-sơ-ra-ên cách nào. Ru-tơ đã kính-trọng Na-ô-mi, song khi có lòng theo Chúa rồi thì Ru-tơ biết mình phải theo Chúa, chớ không phải theo người ta. Đến khi Na-ô-mi gặp sự bối-rối, thì bà ngã lòng và phàn-nàn. Còn Ru-tơ thì có lòng vững-vàng và cứ nhờ-cậy Chúa luôn. Gặp lúc chồng qua đời, lại phải bỏ xứ mình mà đi nơi khác, song

Ru-tơ không buồn, vì nàng có đủ đức-tin mà chịu mọi sự thử-thách đó.

Ru-tơ được phước.— Ở xứ Giu-đa, có một người tên là Bô-ô, bà-con của bà Na-ô-mi. Ông là một người giàu-có lắm, và cũng là một người có danh-tiếng trong xứ mình. Ông có giúp-đỡ cho Ru-tơ, rồi cưới nàng làm vợ.

Ru-tơ bỏ xứ mình đi xứ lạ, vì có lòng khao-khát phước-hạnh của Chúa. Nàng không biết sẽ gặp được gì ở đó. Chúa đã ban ơn cho nàng một cách dư-dật. Nàng có chồng, được giàu-có, được danh-tiếng lớn, lại được bà Na-ô-mi thương-yêu. Như thế, cũng đã được nhiều phước rồi, nhưng nàng lại còn có một phước lớn hơn nữa, là được làm tổ-mẫu của Chúa Cứu-thế theo phần xác-thịt.

Ơn-diễn của Đức Chúa Trời.— Có người tưởng rằng đời xưa Đức Chúa Trời tư-vị dân Y-sơ-ra-ên, vì thấy Ngài chỉ lo cho dân ấy mà thôi. Song người nào xem Kinh-thánh cho kỹ-lưỡng, thì biết thiệt-sự không phải như vậy. Khi Đức Chúa Trời kêu-gọi và ban phước cho Áp-ram, ấy là để cho ông Áp-ram ban phước lại cho hết thảy mọi người (Xem Sáng-thế Ký 12: 2, 3). Sách Giô-na chỉ rõ Chúa cũng muốn ban phước cho người ngoài. Vả, bài học này cũng dạy cho chúng ta biết Chúa đã lựa-chọn một người ngoài, để làm tổ-mẫu của Chúa Jê-sus theo phần xác. Người ấy là Ru-tơ, người Mô-áp. Thiệt người Mô-áp là bà-con của người Y-sơ-ra-ên, song xa lắm.

LỜI HỎI:

- 1— Vì có nào Ê-li-mê-léc và Na-ô-mi đã bỏ xứ mình?
- 2.— Làm sao trong xứ Giu-đa thường có sự đói-kém?
- 3.— Bà Na-ô-mi bị thử-thách thế nào?
- 4.— Khi gặp sự thử-thách thì bà Na-ô-mi đối với Chúa thế nào?
- 5.— Tại làm sao Ot-ba bằng lòng trở về nhà mẹ mình?
- 6.— Tại sao Ru-tơ quyết-định đi với Na-ô-mi?
- 7.— Ý của Đức Chúa Trời cho Ru-tơ là gì? Ru-tơ quyết-định có phải tại Đức Chúa Trời ép-buộc không?
- 8.— Làm sao Ru-tơ có đức-tin vững-vàng lắm vậy?

9.— Ru-to đến xứ Giu-đa thì được phước gì?

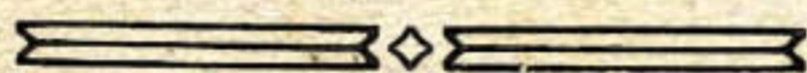
10.— Làm sao chúng ta biết được không phải Đức Chúa Trời chỉ ban phước cho dân Y-sơ-ra-ên mà thôi?

THÍ-DỤ ĐỀ CẮT NGHĨA CÂU GỐC:

«Ngài đã làm cho muôn dân sanh ra chỉ bởi một người, và khiến ở khắp trên mặt đất.»

Có một thầy giảng Nhựt-bồn, một ngày kia, giảng cho dân mình rằng: «Hôm nay tôi có vào một nhà thương và thấy một ông thầy thuốc nước ngoài đương mổ con mắt của một người đờn-bà. Tôi có suy-nghĩ rằng: Có lẽ đạo của Đức Chúa Jê-sus không thiệt; có lẽ cũng có nhiều thần,

chớ không phải chỉ có một mình Đức Chúa Trời mà thôi. Vì vậy, có lẽ thần đã làm ra con mắt của người Tây không bàn-luận với thần làm ra con mắt của người Nhựt-bồn, nên con mắt của người Tây và con mắt của người Nhựt-bồn khác nhau. Nếu quả như vậy, thì thầy thuốc Tây này không thể mổ con mắt của người đờn-bà Nhựt-bồn được. Song, đương khi tôi suy-nghĩ như vậy, thì thầy thuốc Tây đó cứ làm và chắc không suy-nghĩ đến điều như tôi suy-nghĩ đó. Nhờ ông ấy mổ con mắt lại, giúp cho bà kia được thấy rõ lắm. Như vậy thì chúng ta tin chắc có một Đức Chúa Trời mà thôi. Và Ngài là Đấng tạo-hóa của mỗi một người trong thế-gian này.



15 MARS, 1931

BÀ AN-NÊ LÀ MỘT NGƯỜI MẸ RẤT XỨNG-ĐÁNG

(I Sa-mu-ên 1 : 9-23, 2 : 19 ; 1 : 1-28 ; 2 : 1-11, 18, 19 ; 3 : 1-18)

CÂU GỐC:

Hỡi con, hãy nghe lời khuyên-dạy của cha,
chớ bỏ phép-tắc của mẹ con

(Châm-ngôn 1 : 8)

ĐẠI-Y CỬA BÀI NÀY:

Sự dạy-dỗ các con yêu-mến và kính-trọng cha mẹ.

TÌNH-HÌNH NƯỚC GIU-ĐA

Ông Hê-li có làm quan xét cho dân Y-sơ-ra-ên 40 năm (xem I Sa 4 : 18); và Sa-mu-ên đã làm quan xét hai mươi năm kể từ khi ông Hê-li qua đời. Người ta không biết chắc khi Sa-mu-ên đi đến Si-lô thì bao nhiêu tuổi. Nếu khi đi đến Si-lô mà Sa-mu-ên lên 12 tuổi, thì lúc Hê-li qua đời, ông đó 52 tuổi, trước Chúa giáng-sanh chừng 1041 năm.

CẮT NGHĨA NHỮNG CÂU KHÓ HIỂU:

I Sa-mu-ên 1 : 9 «Đền Đức Giê-hô-va.» Nghĩa là chỉ về đền-tạm, vì lúc ấy họ chưa có đền-thờ tại thành Giê-ru-sa-lem, tức là đền của vua Sa-lô-môn đã làm. Người ta hay kêu nhà ấy là đền (Palais), vì là một chỗ ở của danh Đức Chúa Trời, là Vua của dân Y-sơ-ra-ên. Trong Kinh-thánh thường nói người theo Chúa là đền-thờ của Đức Chúa Trời (Hãy xem Cô-r. 3 : 9-17 ; 6 : 19 ; II Cô-rinh-tô 6 : 16 ; Ê-phê-sô 2 : 20, 21 ; Hê-bơ-rơ 3 : 6 ; I Phi-e-rơ 2 : 5 ; 4 : 17).

Câu 11 «Sẽ phú dâng nó trọn đời.» Ấy là lời của bà An-nê hứa-nguyện. Bà hứa-nguyện như vậy, vì Sa-mu-ên là người Lê-vi. Theo lẽ-luật của người Y-sơ-ra-ên, thì người Lê-vi chỉ phải lo việc Chúa từ 25 tuổi tới 50 tuổi (xem Dân 3 : 24, 25). Song lẽ, ý bà An-nê muốn dâng con mình để cả đời hầu việc Chúa. Sa-mu-ên không những là người Lê-vi, mà lại là người Na-xi-rê nữa (xem Dân 6 : 5).

Câu 13 «Nên Hê-li tưởng nàng say.» Dầu người nhơn-đức đến đâu, sự xét-đoán và tư-tưởng cũng không khỏi sai-lầm; ấy bởi người ta không thể biết lòng-dạ và ý-tưởng của người khác được. Cũng như trong sách Tin-lành theo thánh Ma-thi-ơ 26 : 8, 10 có chép về các môn-đồ rầy một người đờn-bà lấy dầu thơm quý giá mà đổ trên đầu Đức Chúa Jê-sus, vì họ không biết ý-tưởng và lòng-dạ của người đờn-bà đó; nhưng chỉ có một mình Đức Chúa Jê-sus hiểu-biết được rõ mà thôi.

Câu 24 «Vừa khi dứt sữa.» Theo thói thường người Y-sơ-ra-ên, đợi cho con nit đến 3 hay là 5 tuổi, thì mới chịu dứt sữa. Song lẽ, lời «dứt sữa» trong câu này có

nghĩa rộng hơn, là Sa-mu-ên có đủ trí-khôn, lối 12 tuổi, mới đến cùng Hê-li.

Câu 24 «**Đứa trẻ hãy còn nhỏ.**» Đó không chỉ về tuổi của nó, song về sự non-từ và mềm-mại của nó.

Câu 25 «**Giết con bò đực.**» Họ có giết con bò đực để làm lễ thiêu. Họ làm lễ ấy vì dâng Sa-mu-ên cho Đức Chúa Trời. Trong câu 24 có chép: «**Dẫn đến ba con bò đực.**» Nhưng trong câu này nói giết có một con mà thôi, bởi vì Ên-ca-na, là cha của Sa-mu-ên, đã dùng hai con bò kia để làm lễ bình-an và lễ cảm ơn. Ông và bạn-hữu của ông được ăn hai con bò ấy, vì lễ ấy chỉ về người ta hoà-thuận với Đức Chúa Trời; có sự bình-yên của Ngài (Xem Lê-vi Ký 7: 11-16).

Câu 28 «**Tôi cho Đức Giê-hô-va mượn nó.**» Chữ «mượn» đó cũng như lời «cầu-xin» trong câu 27. Bà đã cầu-xin Chúa cho bà được con đó mà bây giờ bà xin dâng cho Ngài mượn con đó để hầu việc Ngài. Phải hiểu nghĩa câu đó như vậy: Đức Giê-hô-va đã cho tôi con này, nên bây giờ con này thuộc về tôi rồi, nhưng mà tôi bằng lòng cho Ngài lại mượn nó để hầu việc Ngài.

Sự Chúa tương-giao khắng-khít với người ta

Đức Chúa Trời hiểu thấu lòng người. Khi mình vui hay buồn, Ngài đều cảm-xúc. Khi Chúa trả lời cầu-nguyện cho bà An-nê, thì bà biết đều ấy là thiệt lắm.

Trả lời sự cầu-nguyện. Cầu-nguyện mà không được trả lời liền, đó không phải là Chúa không trả lời đâu; có lẽ Chúa biết sự trả lời liền không có phước cho người cầu-xin. Cũng như bà An-nê đã cầu-nguyện nhiều mà phải đợi lâu lắm và phải gặp nhiều điều khó-khăn, rồi bà mới được trả lời.

Người tin-đồ nào có con, thì rất cần phải hiểu đại-ý bài học này. Cha mẹ phải cầu-nguyện cho con-cái mình trước khi nó sanh ra trong thế-gian. Nếu có nhiều mẹ được như bà An-nê, thì chắc cũng sẽ có nhiều con trai như Sa-mu-ên. Sa-mu-ên đã biết nhờ-cậy Chúa từ khi còn thơ-ấu.

BÀI HỌC NÀY CHIA RA NHƯ VẬY:

I. Bà An-nê bị bắt-bớ.—Chồng của bà An-nê là Ên-ca-na. Bà An-nê không có con, và vì có ấy bà buồn-bã lắm. Ông Ên-ca-na có hai vợ, mà người vợ kia thì đã

có con, nên ỷ mình mà khinh-dễ bà An-nê vì bà không có con.

Hằng năm, cả nhà bà An-nê đều đi lên Si-lô mà thờ-phượng Đức Chúa Trời. Mỗi lần dâng của-lễ bình-an rồi, thì thầy tế-lễ đưa lại một phần của-lễ đó cho nhà nào đã dâng để cho họ ăn trong khi ở tại Si-lô, mà thờ-phượng Đức Chúa Trời. Song An-nê không ăn, vì bà buồn-thảm và khóc-lóc. Bà sầu-não vì sự cực-khổ trong gia-đình, song có lẽ bà lại buồn hơn vì người Y-sơ-ra-ên không hết lòng theo Đức Chúa Trời. Có lẽ vì có lắm người trong đền-tạm và mấy con của ông Hê-li đều phạm nhiều tội, nên bà có cầu-nguyện xin Chúa cho một con trai để con ấy dắt dân Y-sơ-ra-ên trở lại cùng Chúa.

II. Bà An-nê cầu-nguyện.—Bà An-nê đã hết lòng cầu-xin với Chúa. Dầu ông Hê-li là thầy tế-lễ cả, song không quen thấy ai cầu-nguyện như thế. Khi thấy bà An-nê khẩn-cầu, thì Hê-li tưởng bà say rượu, bởi vì mắt ông thường thấy người say như vậy. Ấy tỏ ra cách ăn nết ở của người Y-sơ-ra-ên lúc đó. Hê-li có quở-trách bà An-nê một cách sai-lầm, song bà lấy lòng nhịn-nhục và trả lời nhỏ-nhẹ với ông. An-nê có biết nhiều về ơn của Đức Chúa Trời. Dầu Hê-li không phải là một thầy tế-lễ cả trọn- vẹn, song bà cũng kính-trọng ông. Khi ông biết được sự cầu-xin của bà, thì ông chịu cảm-động bởi Đức Thánh-Linh, và nói bà sẽ được những lời cầu-xin ấy.

III. Bà An-nê dâng con cho Chúa.—Bà An-nê đặt tên cho con mình là Sa-mu-ên, tên ấy nghĩa là Đức Chúa Trời nhậm. Mỗi người Y-sơ-ra-ên đều hiểu ý-nghĩa của tên ấy làm chứng rằng Đức Chúa Trời trả lời sự cầu-nguyện của những người nào tin Ngài. Chúa không cho bà An-nê sanh-đẻ cho đến khi bà bằng lòng có một con sẽ làm vinh-hiến cho danh của Ngài. Bà An-nê hứa-nguyện rằng «**Tôi cũng dâng nó cho Đức Giê-hô-va; và cho Đức Giê-hô-va mượn nó trọn đời nó.**» Phước-hạnh thay cho con trẻ nào được cha mẹ dâng cho Chúa trước khi sanh ra như Sa-mu-ên vậy! Cha mẹ chắc sẽ biết dạy-đỗ con-cái mình kính-sợ Đức Chúa Trời luôn luôn.

IV. Chúa kêu-gọi con của bà An-nê (I Sa 3:).—Bà An-nê đã rán sức dạy-đỗ con mình là Sa-mu-ên biết Đức Chúa Trời.

Bà biết Chúa muốn dùng con đó để giúp dân Y-sơ-ra-ên trở lại cùng Ngài. Khi đã làm trọn bổn-phận, thì bà bằng lòng để cho con lia mình mà ở với thầy tế-lễ Hê-li tại Si-lô luôn luôn. Ông Hê-li và các con của ông không sốt-sắng lắm về việc Chúa, và các thầy tế-lễ trong đền-tạm cũng không thiêng-liêng, nên bà An-nê biết có lẽ con mình sẽ không được phước bởi sự dạy-dỗ của các người ấy. Dầu vậy, bà không sợ, vì biết Đức Chúa Trời có thể gìn-giữ con mình được. Bà có sự bình-yên vì biết bà đã làm bổn-phận của mình rồi.

Chúng ta đọc trong đoạn 3 về sự Chúa kêu-gọi Sa-mu-ên, khi Sa-mu-ên nghe tiếng Chúa thì tưởng là một người kêu; song khi đã biết rồi, thì Sa-mu-ên nói rằng: «Xin hãy phán, kẻ tôi-tớ Ngài đương nghe.» Sa-mu-ên có nhiều điều tốt, song việc qui hơn hết là ông biết nghe lời của Đức Chúa Trời. Không phải lỗ tai xác-thịt đã nghe, song lòng ông nghe được. Vì có ấy ông biết ý Chúa và có thể dắt người ta đi trong đường công-bình và bình-yên của Đức Chúa Trời. Nếu nay chúng

ta biết nghe tiếng Chúa, thì chắc Chúa cũng sẽ dùng chúng ta mà ban phước cho nhiều người khác.

LỜI HỎI :

- 1.— Ông Hê-li là ai?
- 2.— Lúc ấy dân Y-sơ-ra-ên đã cất đền-thờ cho Đức Chúa Trời chưa? Hay là họ thờ-phượng Ngài ở đâu?
- 3.— Làm sao bà An-nê nói «sẽ phú dâng nó trọn đời?»
- 4.— Ông Hê-li tưởng bà An-nê say, tỏ ra gì về lòng người Y-sơ-ra-ên lúc đó?
- 5.— Thiệt ra thì bà An-nê buồn bởi có gì?
- 6.— Làm sao bà ấy lại nói cho Chúa mượn con mình?
- 7.— Sự bà An-nê kính-trọng ông Hê-li có dạy-dỗ gì cho người tin-đồ?
- 8.— Nhờ gì mà Sa-mu-ên được hết lòng theo Chúa?
- 9.— Dầu bà An-nê biết ông Hê-li không thiêng-liêng lắm, sao bà lại yên-tâm, gửi con mình ở với ông?
- 10.— Trong Sa-mu-ên có điều gì mà mỗi tin-đồ cũng cần phải có?

23 MARS, 1931

DẠY VỀ VUA SAU-LO

(Xem I Sa-mu-ên 8-11, 13, 15; 16: 14-23; 19: 9-12; 28; 31).
(Đọc I Sa-mu-ên 9: 15-17, 25-27; 10: 1; 19: 9-11; 31: 1-4).

CÂU GỐC :

«Vậy thì, ai tưởng mình đứng, hãy giữ kéo ngà»

(ICô-rinh-tô 10: 12)

ĐẠI-Y CỦA BÀI NÀY :

Sự vâng lời Đức Chúa Trời là rất hệ-trọng.

LỜI MỞ ĐẦU :

Sa-mu-ên đã cai-trị dân Y-sơ-ra-ên 20 năm, ấy là từ năm 1001 cho đến năm 981 trước Chúa giáng-sanh. Trong năm cai-trị sau-rốt của ông, dân Y-sơ-ra-ên đã lựa-chọn Sau-lo làm vua cai-trị mình. Sau-lo được làm vua 40 năm.

CẮT NGHĨA NHỮNG CÂU KHÓ HIỂU :

I Sa-mu-ên 9: 16 «Vi ta đã đoái-xem dân ta.» Đó là lời Đức Chúa Trời phán về dân Y-sơ-ra-ên. Dầu dân đó đã phạm tội rất lớn là xin một vua cai-trị mình, chớ không bằng lòng để Đức Chúa Trời cai-trị hơn (Xem I Sa-mu-ên 8: 7-8). Vì Đức

Chúa Trời thương-xót họ, nên Ngài hứa sẽ ban phước cho vua ấy, nếu vua và dân-sự chịu tôn-trọng Ngài và vâng giữ mạng-lệnh Ngài.

Câu 25 «Trên mái nhà.» Cái mái nhà của dân Y-sơ-ra-ên lúc đó là bằng-phẳng, và họ dùng để nghỉ. Trên mái nhà cũng có câu-lơn (Phục-truyền Luật-lệ Ký 22: 8). Thánh Phi-e-rơ cũng có cầu-nguyện trên một mái nhà như vậy (Sứ-đồ 10: 9).

Đoạn 10: 1 «Đức Giê-hô-va đã xúc dầu.» Sự xúc dầu thuộc về các thầy tế-lễ và các vua (Lê-vi Ký 4: 3), và có khi các tiên-tri cũng được xúc dầu (I Vua 19: 17). Theo hình-bóng, sự xúc dầu chỉ về người được quyền của Đức Thánh-Linh để hầu việc Đức Chúa Trời. Sự xúc dầu bề ngoài không tỏ lòng người có thiêng-liêng hay không. Chúng ta không biết Sau-lo có

phải là con Đức Chúa Trời hay không; có người tưởng là phải, và cũng có người tưởng là không. Chúa có dùng chữ «xức dầu» mà nói về một vua ngoại (xem Ê-sai 45:1). Vậy nên về sự xức dầu, chúng ta phải biết Đức Chúa Trời có thể dùng người thuộc về Ngài và người không biết Ngài. Nhưng hai đảng khác nhau lắm: vì một đảng là bằng lòng vâng lời Đức Chúa Trời, còn một đảng lại không chịu vâng-theo.

Đoạn 19:9 «**Ác-thần bởi Đức Giê-hô-va.**» Không có việc gì xảy ra trong thế-gian này mà không bởi Đức Chúa Trời cho phép. Ác-thần này là ác, không phải vì Chúa đã làm nó ác, song vì nó đã chọn sự ác hơn là sự lành. Nhưng mà Chúa có dùng ác-thần đó để làm ra việc của Ngài. Thần ác và người ác đều bị Chúa cai-trị để làm nên ý-định của Ngài (Thi-thiên 76:10). Sau-lơ đã nhứt-định không vâng lời Đức Chúa Trời. Chúa ban phước và giữ ông nhiều; song ông không nhận biết lòng nhơn-từ của Ngài và không ăn-năn (Rô-ma 2:4). Ông lựa-chọn sự ác hơn sự lành, và mở lòng để ác-thần ở mà cai-trị mình. Đức Chúa Trời cũng chịu, vì Ngài chẳng ép người làm điều lành nếu người không muốn. Nếu Ngài ép-buộc họ, thì người không phải là người tự-do. Nếu người chọn sự ác, thì sự xấu-xa có thể xảy đến cho người (Giăng 5:14). Nếu hiểu vậy, thì chúng ta biết rằng ác-thần cũng bởi Chúa mà đến cùng họ; song cũng phải biết ác-thần ấy là bởi Chúa cho phép mới đến, chớ không phải ác-thần đó là của Ngài.

Đoạn 31:2 «**Giô-na-than.**» Giô-na-than là con của vua Sau-lơ, khi chết chắc cũng vui lòng, bởi vì ông ấy không dè về sự tội-lỗi của cha, nên ông mới chết như vậy. Khi vua Sau-lơ đi cầu bà bóng ở Ên-đơ-rơ (28:11-14), thì Giô-na-than không đi với vua, và khi vua bắt-bớ Đa-vít, thì ông cũng không hiệp với vua trong điều ấy. Nhưng, trong khi vua Sau-lơ đi đánh giặc cùng người Phi-li-tin, thì Giô-na-than có giúp vua.

Đoạn 31:4 «**Kẻ không chịu cắt bì.**» Khi gần chết, vua Sau-lơ cũng nói một cách tỏ mình là người theo Chúa. «Kẻ không chịu cắt bì» chỉ về người ngoại không biết Đức Chúa Trời, và trong lời đó Sau-lơ nói về người Phi-li-tin. Còn nói

về phần đạo-đức, thì lòng vua cách xa Chúa lắm. Về sự thiêng-liêng ông không biết gì hết. Vua nói về «kẻ không chịu cắt bì» nhưng vua cũng không chịu cắt bì trong lòng, nghĩa là vua khinh-dể người không theo Chúa, nhưng chính mình vua cũng không theo Ngài chi hết. Ấy vậy, sự theo Chúa bề ngoài là cũng như không.

NHỮNG ĐỀ-MỤC HỆ-TRỌNG

Dịp may của Sau-lơ

Đức Chúa Trời đã ban ơn cho Sau-lơ một cách dư-dật, song Sau-lơ không chịu và đổi ơn của Chúa ra việc tà-ác. (Xem Giu-đê 4). Cái phước mà Chúa ban cho Sau-lơ được làm vua lại làm cho vua trở nên kiêu-ngạo và tự-phụ. Lý trng, được cái phước đó thì vua phải ăn-năn; song vua không chịu hạ mình xuống. Người nào được ơn của Đức Chúa Trời thì người ấy có phước. Nếu mỗi người bằng lòng nghĩ lại, thì ai đều biết rằng mình đã thọ ơn của Chúa, và mỗi lần mình được ơn của Ngài thì phải dùng dịp-tiện ấy mà tấn-tới trong sự thiêng-liêng. Đức Chúa Trời ban phước cho người ta có nhiều thứ: hoặc bởi Kinh-thánh, hoặc bởi bạn-hữu thiêng-liêng, hoặc bởi gia-đình yên-ổn, hoặc bởi lòng yêu-thương của cha mẹ, vân vân..... Đó đều là dịp may cho người ta được nên thánh.

Dịp-tiện bao nhiêu thì trách-nhiệm bấy nhiêu

Mỗi dịp-tiện đều gây cho người ta một trách-nhiệm. Ấy vậy, hễ bằng lòng lãnh lấy một dịp-tiện, thì cũng phải bằng lòng lãnh lấy một trách-nhiệm của dịp-tiện đó. Chịu nhận-lãnh trách-nhiệm đó, nghĩa là bằng lòng vâng lời Chúa. Khi Ngài biểu làm điều gì, thì phải làm theo. Bởi vua Sau-lơ không biết vâng lời, nên vua cũng không biết cai-trị dân-sự.

BÀI HỌC NÀY CHIA RA NHƯ VẬY:

I.—SA-MU-ÊN BIẾT Ý CỦA CHÚA

Thiệt Sa-mu-ên biết nghe tiếng của Đức Chúa Trời. Điều ấy làm cho chúng ta vui-mừng và ngợi-khen Chúa; lại giục lòng chúng ta trong khi đọc Kinh-Thánh phải yên-lặng để nghe tiếng của Chúa phán-dạy chi cho mình bởi khúc sách ấy. Khi Sa-mu-ên vừa thấy Sau-lơ, thì ông liền biết Sau-lơ là người mà Chúa đã chọn để quản-trị dân Ngài.

II.—SA-MU-ÊN XỨC DẦU CHO SAU-LO

Sa-mu-ên đã xức dầu cho Sau-lo, hôn người và nói rằng: «Nay Đức Giê-hô-va đã xức dầu cho người đặng người làm vua của cơ-nghiệp Ngài.» Rồi Sa-mu-ên làm những dấu lạ cho Sau-lo biết lời ông nói là tiên-tri. «Thần của Đức Giê-hô-va sẽ cảm-động người nói tiên-tri cùng chúng, rồi người sẽ hóa ra một người khác.» Dầu Sau-lo không xin ơn ấy, song ông cũng được ban cho, và trong mấy năm ông được đổi nên người mới, ông có đánh giặc giúp dân Ngài khỏi tay người thù-nghịch.

III.—SAU-LO BỊ ÁC-THẦN

(I Sa-mu-ên 19 : 9-11)

Sau-lo lúc trước có thần của Đức Chúa Trời, nhưng sau bị một ác-thần nhập vào mình. Tại sao vậy? Ấy vì Sau-lo muốn theo ý của mình (I Sam. 13). Sa-mu-ên có biểu Sau-lo đợi ông tới Ghinh-Ganh rồi sẽ dâng của-lễ mà thờ-phượng Đức Chúa Trời; việc đó chỉ ông có phép làm thôi. Nhưng Sau-lo không chịu vâng lời, khi thấy Sa-mu-ên đến trễ, thì vua theo ý mình mà làm lễ ấy, và khi Sa-mu-ên đã đến thì ông có quở-trách Sau-lo. Sự Sa-mu-ên bị ngăn-trở mà đến trễ như vậy cũng là một ý của Đức Chúa Trời muốn thử đức-tin và sự vâng-lời của Sau-lo (Đoạn 13 : 12). Người ta không thể vừa theo ý mình và vừa theo ý Đức Chúa Trời được. Bởi vì Sau-lo bỏ ý-muốn của Chúa, nên Ngài bèn lựa-chọn một người khác là Đa-vít đặng làm trách-nhiệm của vua. Sự Sa-mu-ên xức dầu cho Đa-vít là một sự kín-giấu, nên vua Sau-lo không biết. Song, khi vua thấy những phước của Chúa đã ban cho Đa-vít, thì vua lại đem lòng ghen-ghét đến nỗi mấy phen muốn giết Đa-vít. Ai có lòng như vậy, thì có dịp-tiện dễ khiến ác-thần nhập vào lắm. Sự theo ý mình thường sanh ra sự ghen-ghét, và sự ghen-ghét sanh ra tội nặng hơn nữa. Sự theo ý mình thật là một điều nguy-hiểm lắm cho người ta.

IV.—SỰ CHẾT CỦA VUA SAU-LO

(I Sa-mu-ên 31 : 1-14)

Sa-mu-ên đã chết rồi. Đức Chúa Trời không đáp lời cho vua Sau-lo, vì vua không chịu ăn-năn tội. Rồi vua Sau-lo lại phạm tội nặng hơn nữa, là vua cầu bà bóng ở

Ên-đơ-rơ và xin bà «hãy cầu Sa-mu-ên.» Chúa lại nhơn đó mà làm một việc lạ. Ngài cho hồn của Sa-mu-ên được phép hiện đến với Sau-lo. Khi hồn Sa-mu-ên hiện đến, thì có quở-trách Sau-lo một lần nữa, và có nói vua Sau-lo với các con vua sẽ chết trong sự đánh nhau với người Phi-li-tin. Điều đó không phải có ý dạy cho chúng ta được phép kêu hồn kẻ chết đâu. Trái lại, Chúa cấm ngặt không cho chúng ta làm điều ấy. Ngày kể đó, ba con của vua Sau-lo đều bị giết và chính vua Sau-lo cũng bị thương. Vì vua không muốn người Phi-li-tin bắt mình, nên vua tự-tử. Ấy là sự cuối-cùng của một người theo ý mình.

LỜI HỎI :

- 1.— Đại-ý của bài học này là gì?
- 2.— Tại sao dân Y-sơ-ra-ên lại cầu-xin được một vua? (I Sa-mu-ên 8 : 1-5).
- 3.— Dân Y-sơ-ra-ên xin một vua cho mình, thì có phạm tội gì với Chúa?
- 4.— Ác-thần bởi Đức Giê-hô-va có nghĩa gì?
- 5.— Vua Sau-lo có lòng thế nào, nên ác-thần mới cảm vào được?
- 6.— Bởi cớ nào chúng ta biết được Giô-na-than là con hiếu-thảo?
- 7.— Vua Sau-lo có theo Chúa cách nào?
- 8.— Người được ơn của Chúa thì có trách-nhiệm gì?
- 9.— Vua Sau-lo cầu bà bóng, thì có tội gì?
- 10.— Trong sự vua Sau-lo tự-tử, thì vua có phạm tội gì?

THÍ-DỤ ĐỀ CẮT NGHĨA CÂU GỐC :

«Vậy thì, ai tưởng mình đứng, hãy giữ kẻo ngã.»

Mấy mươi năm về trước, có một người tên là *Lincoln* muốn làm tổng-thống nước Mỹ. Lúc ấy cũng có hai người khác ra tranh cử với ông. Một người ở phía bắc và một người ở phía nam nước Mỹ. Có một người đến hỏi ông *Lincoln* rằng: «Ông tưởng ông sẽ được chức ấy không?» Ông *Lincoln* trả lời rằng: «Tôi không sợ người phía bắc sẽ hơn tôi, vì những người ở phía nam không chịu người ấy; lại nữa, tôi cũng không sợ người ở phía nam, vì những người ở phía bắc cũng không chịu người ấy nữa. Nhưng tôi thấy trong nhứt-trình có nói về một người tên là *Lincoln*, thiết tôi chỉ sợ người ấy sẽ làm cho tôi thua mà thôi.»

GIÔ-NA-THAN VÀ ĐA-VÍT

(I Sa-mu-ên 18 : 1-4 ; 19 : 1-7 ; 20 ; II Sa-mu-ên 1 : 17-27)
(Đọc I Sa-mu-ên 18:1-4 ; 20:14-17, 32-42 ; II Sa-mu-ên 1:26-27)

CÂU GỐC:

Có một bạn triu-mến hơn anh em ruột

(Châm-ngôn 18:24)

ĐẠI-Ý CỦA BÀI NÀY:

Người ta phải yêu-mến Đức Chúa Trời và dâng mình cho Ngài.

LỜI MỞ ĐĂNG:

Các đoạn 18, 19, 20 trong sách I Sa-mu-ên và đoạn 1 trong sách II Sa-mu-ên đã nói rõ về bài học này. Xin hãy đọc mấy đoạn ấy cho kỹ. Bài này hiệp theo bài đã học tuần trước, vì đã nói về lịch-sử của dân Y-sơ-ra-ên suốt đời vua Sau-ơ. Lúc vua Sau-ơ mới lên ngôi, thì dân Y-sơ-ra-ên được cường-thạnh lắm.

CẮT NGHĨA NHỮNG CÂU KHÓ HIỂU

I Sa-mu-ên 18:1 «**Lòng của Giô-na-than khê-hiệp cùng lòng Đa-vít.**» Ấy nghĩa là hai người yêu-thương nhau lắm (Xem Sáng-thế Ký 44:30). Giô-na-than khác hơn cha mình, bởi vì ông có lòng yêu-thương Đa-vít. Sau-ơ thì càng ngày càng ghét Đa-vít, còn Giô-na-than thì lại càng ngày càng thương thêm. Giô-na-than là hình-bóng về một phần dân Y-sơ-ra-ên có lòng trông-đợi Chúa Jê-sus và biết Ngài là Đấng Mê-si. Sau-ơ là hình-bóng về người Pha-ri-si, là phe muốn giết Chúa. Giô-na-than cũng là hình-bóng về những người như ông Giăng Báp-tít và ông Thánh Phao-lô. Mấy người ấy đều theo luật-pháp trọn-vẹn, song khi đã biết về Chúa Jê-sus, thì bằng lòng dâng cả mình cho Ngài (Xem Giăng 3:30; Phi-líp 3:8,9).

Câu 4 «**Người cởi áo mình mặc.**» Ấy nói về Giô-na-than vui lòng trao hết của mình cho Đa-vít. Đều Giô-na-than đã làm đó là một gương rất tốt cho người tín-đồ, biết bổn-phận mình phải đối với Chúa là thế nào (Xem Rô-ma 6:13).

I Sa-mu-ên 20:15 «**Đầu khi Đức Giê-hô-va giết hết thầy kẻ thù-nghịch của Đa-vít.**» Giô-na-than đã biết Chúa sẽ làm ứng-nghiem lời hứa của Ngài cho Đa-vít, và Đa-vít sẽ thắng-trận hơn người thù-nghịch của ông. Vả, Giô-na-than cũng biết rằng một

người trong những kẻ thù-nghịch đó chính là cha của mình. Lúc hai người lập giao-ước với nhau, thì Sau-ơ đương bắt-bớ Đa-vít. Giao-ước của Giô-na-than đã làm với Đa-vít tỏ ra Giô-na-than tin lời Đức Chúa Trời phán về Đa-vít sẽ được ứng-nghiem.

Câu 15 lại có chép rằng: «**Chớ cất ơn thương nhà tôi đến đời đời.**» Lời xin của Giô-na-than đã được ứng-nghiem trong khi Đa-vít giúp Mê-phi-bô-sết (Xem II Sa-mu-ên 9:1,3,7; 21:7).

Câu 42 «**Anh hãy đi bình-yên.**» Đó là lời Giô-na-than nói để an-ủi lòng Đa-vít.

NHỮNG ĐỀ-MỤC HỆ-TRỌNG

I.— Giô-na-than

Trong lúc đó ông hoàng này chừng 32 tuổi, và Sau-ơ chừng 70 tuổi. Có ba đề mục chúng ta suy-nghĩ về Giô-na-than.

1.— Giô-na-than làm tướng-sĩ

Trong những quan-tướng của dân Y-sơ-ra-ên lúc ấy, Giô-na-than là dạn-dĩ hơn hết. Ông có sức-lực như cha mình, vì ông mạnh-mẽ và chạy mau lắm (Xem II Sa-mu-ên 1:23).

2.— Sự Giô-na-than yêu-thương Đa-vít

Sự yêu-thương ấy tỏ ra lòng không ích-kỷ, và tánh hay giúp-đỡ người khác. Giô-na-than chẳng phải vì lợi mà yêu-thương Đa-vít; trái lại, cũng như Sau-ơ đã nói với con về sự kết bạn ấy rằng: «**Thật, hễ con trai Y-sai sống lâu trên mặt đất chừng nào, thì mây và nước mây chẳng vững-bền chừng nấy**» (Xem I Sa-mu-ên 20:31).

3.— Sự Giô-na-than yêu-thương cha

Lời của Giô-na-than trong I Sa-mu-ên 19:2; và 20:2 tỏ ra hai cha con hiệp ý với nhau trong việc chánh-trị. Khi sau, vua Sau-ơ hồ-nghi con và tướng con đương hiệp với Đa-vít mà nghịch cùng mình (I Sa-mu-ên 22:8). Song, trong trận sau hết của Sau-ơ, Giô-na-than có ở với cha và giúp-đỡ cha cho đến chết.

II. ĐỨC-TIN CỦA GIÔ-NA-THAN

Tại sao Giô-na-than kết bạn với Đa-vít? Vì ông biết Đức Chúa Trời muốn dùng ông Đa-vít làm vua. Ông có hiểu về lời Chúa hứa cho Đa-vít. Khi Giô-na-than chưa gặp Đa-vít, thì ông có lòng nhờ-cậy Đức Chúa Trời (Xem Sa-mu-ên 14: 6-10).

III. TÌNH BẰNG-HỮU CỦA GIÔ-NA-THAN VỚI ĐA-VÍT

Giô-na-than bằng lòng trao hết của mình cho Đa-vít, không phải vì bị ép-uổng; nhưng vì ông yêu-thương Đa-vít. Cũng bởi ông ở hết lòng với Đa-vít như vậy, nên khi ông qua đời, thì tự Đa-vít lo mà báo-thú cho ông. Điều đó dạy ta nên hết lòng yêu-mến Chúa như vậy, thì chắc trong mọi điều Chúa sẽ lo cho. Còn về phần vua Sau-ơ, thì tự vua lấy gươm mà giết mình. Điều đó cũng chỉ cho chúng ta thấy rằng những người hay theo ý mình thì chỉ làm hại cho mình mà thôi.

«Lòng tôi chẳng hay được hiểu,
Sự vui về Chúa thương-yêu,
Cho đến chúng ta dâng mọi sự ở đời;
Vi Chúa ban cho ân lớn,
Vi Chúa ban lòng vui hơn
Cho người ta thường thường nhờ-cậy
vâng lời.»

LỜI HỎI:

- 1.— Đại-ý của bài này là gì?
- 2.— Giô-na-than gặp Đa-vít ở đâu trước hết?
- 3.— Giô-na-than và vua Sau-ơ có lòng khác nhau thế nào?
- 4.— Giô-na-than có đức-tin gì về Đa-vít?
- 5.— Trong việc chánh-trị Giô-na-than và Sau-ơ có hiệp ý nhau không?
- 6.— Sự giao-ước của Giô-na-than với Đa-vít có ích gì cho nhà ông không?

7.— Sau-ơ có nói gì về sự Giô-na-than kết bạn với Đa-vít?

8.— Giô-na-than dâng hết cho Đa-vít những điều mình có, làm gương cho tin-đồ phải đối với Đức Chúa Jê-sus thế nào?

THÍ-DỤ ĐỀ CẮT NGHĨA CÂU GỐC:

«Có một bạn-hữu triu-mến hơn anh em ruột.» Ý-nghĩa của câu gốc này thiệt lắm. Mới đây, trong một đạo binh kia có chuyện một người giúp-đỡ bạn-hữu mình một cách chí-thiết hơn anh em ruột đối với nhau: Số là, theo lệ nhà binh, thì quân-linh thường phải tập đi bộ một con đường thiệt xa, và phải đi cho đúng giờ đã định mới được. Mỗi lần đi, nếu xảy có một vài người lính phải đuối sức, đi không nổi nữa, thì cả đạo binh ấy sẽ mất danh-tiếng. Đạo binh nói trên kia, có một lần, cũng đi theo thế-lệ đó; trong một đàng cát rất dài, mới đi được nửa, xảy có một người lính môn sức, không thể mang đồ trận mà đi được nữa, nên nói với bạn-hữu rằng: «Tôi đi nữa thì không được.» Lúc ấy nóng-nực quá, người bạn kia thấy người lính ấy mệt như vậy, thì đã mang giùm cây súng. Khi đi được chừng bốn cây số nữa, thì va lại thấy người đó cũng còn mệt lắm, nên còn bao nhiêu đồ trên người đó, va đều lấy hết mà mang giùm. Ấy vậy, nhờ bạn-hữu mình giúp-đỡ, nên người đó mới đi theo kịp. Khi ông quan-cơ biểu lính đứng lại, thì đã thấy mỗi người đứng ở chỗ của mình, không sót người nào. Nhờ vậy, đạo binh ấy khỏi mất danh-tiếng.

Chúng ta dâng hết sự lo-sợ cho Chúa, vì Ngài là bạn-hữu rất thiết, và bằng lòng làm thay mọi sự cho anh em.

TIN - TỨC

(Tiếp theo)

AI-LAO

Vientiane.— Ngày sanh Chúa vừa rồi, ông Ngô-văn-Sùng, tin-đồ Chúa, có mời nhiều người ngoại nhóm tại nhà mình, nói về sự-tích Chúa Jê-sus; tuy chưa có kết-quả, nhưng cũng là một dịp tốt khiến cho mọi người được nghe về Chúa Cứu-thế. Trong tháng Février 1931, ông bà mục-sư Grobb và ông Jeffrey cùng đi sang Vientiane để lập Hội-thánh. Xin nhớ cầu

Chúa xuống phước trên việc mới này.

Tiền-biệt.— Đến tháng Avril, 1931, cô đốc-học E. M. Frost ở Tourane, các ông bà mục-sư P. Carlson ở Vĩnh-long, C. E. Travis ở Nha-trang, R. M. Jackson ở Thanh-hóa, và ông đốc-học J. D. Olsen ở Tourane sẽ về tây nghỉ. Vậy bôn-báo có lời tiền-biệt, xin Chúa ban phước cho các ông bà đó đi đường được bình-yên, và sẽ trở lại bôn-xứ đề hầu việc Chúa nữa.